

Số: 525/BXD-PC

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2019

V/v hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Xây dựng

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Ngày 28/01/2019, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 188/BXD-PC kèm theo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (sau đây gọi tắt là dự án Luật), gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019. Dự án Luật đã được Chính phủ đồng ý, đưa vào Tờ trình đề nghị về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019 để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Tờ trình số 48/TTr-CP ngày 25/02/2019).

Ngày 14/3/2019, Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đã tổ chức cuộc họp với đại diện Bộ Xây dựng, Thường trực Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, cơ quan liên quan để phối hợp thẩm tra hồ sơ đề nghị xây dựng Luật; và ngày 15/3/2019, Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đã có văn bản số 1246/UBKHCNMT14 về việc phối hợp thẩm tra đề nghị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019 (phần về Luật Xây dựng). Theo đó, Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đã kết luận dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng đã đủ điều kiện để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội đưa vào Chương trình; tuy nhiên, cần hoàn thiện một số nội dung như sau:

- Bổ sung, làm rõ hơn tính cấp thiết trong việc ban hành dự án Luật tại Tờ trình.

- Hoàn thiện Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật trên cơ sở Báo cáo tình hình thi hành pháp luật đã thực hiện cho đúng tên gọi và sát với yêu cầu theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Hoàn thiện Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan, đơn vị theo hướng chỉ tổng hợp các ý kiến góp ý đối với Luật Xây dựng.

- Nghiên cứu, rà soát thêm các chính sách đưa ra tại dự án Luật, trường hợp, có những chính sách mới, nguyên tắc mới phát sinh so với chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/12/2017 thì cần giải trình, bổ sung hồ sơ theo quy định trong quá trình xây dựng Luật.

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Xây dựng đã hoàn thiện bộ hồ sơ mới về đề nghị xây dựng Luật như sau: (1) Hoàn thiện Tờ trình theo hướng bổ sung, làm rõ sự cần thiết ban hành dự án Luật tại mục I; chỉnh sửa các nội dung khác để bảo đảm tính đồng bộ với Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Xây dựng, Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (2) Bổ sung, hoàn thiện Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Xây dựng; (3) Hoàn thiện Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan liên quan đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng; (4) Hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động chính sách, bảo đảm không phát sinh chính sách mới so với các chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 131/NQ-CP; (5) Hoàn thiện đề cương dự thảo Luật bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các tài liệu nêu trên.

Bộ Xây dựng gửi hồ sơ đề nghị xây dựng Luật đã được hoàn thiện (kèm theo văn bản này) để Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội. *ATK*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Ủy ban của Quốc hội: Pháp luật, Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, HĐXD, PC (02).

BỘ TRƯỞNG



Phạm Hồng Hà



ĐỀ CƯƠNG **DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU** **CỦA LUẬT XÂY DỰNG**

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13

1. Sửa đổi, bổ sung một số thuật ngữ tại Điều 3 bảo đảm thống nhất với pháp luật có liên quan; giải thích một số thuật ngữ để thuận tiện trong áp dụng.

2. Bổ sung vào điểm c khoản 2 Điều 7 theo hướng đối với dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng dự án, hợp đồng đối tác công tư, chủ đầu tư là doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thỏa thuận thành lập theo quy định của pháp luật hoặc là nhà đầu tư (trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án).

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 50 theo hướng không giới hạn loại dự án được phân chia dự án thành phần hoặc phân kỳ đầu tư.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 57, Điều 58, Điều 82, Điều 84 theo hướng đơn giản hóa nội dung, trình tự đầu tư xây dựng, thực hiện đồng thời, song song các thủ tục liên quan trong quá trình thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng; làm rõ cơ quan đầu mối tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án.

5. Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức tổ chức quản lý dự án tại Điều 62, Điều 63 theo hướng tạo sự chủ động cho người quyết định đầu tư quyết định.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 89 theo hướng: (1) bổ sung đối tượng được miễn giấy phép xây dựng, bao gồm: công trình xây dựng thuộc dự án đã có quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt và đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định đầu tư; một số công trình quảng cáo, công trình quy mô nhỏ khác; (2) thể hiện lại các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng để tránh trùng lặp; (3) không giới hạn cấp công trình được cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn khi đã có thiết kế xây dựng được thẩm định; (4) bổ sung trường hợp cấp giấy phép xây dựng theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

7. Sửa đổi khoản 2 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 94 theo hướng không yêu cầu phải có điều kiện “phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt” và sửa đổi điều kiện “thuộc khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất” khi cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

8. Sửa đổi khoản 2, khoản 6 Điều 95 theo hướng bỏ yêu cầu cung cấp bản sao quyết định đầu tư, bản sao chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng và thay bằng việc cung cấp mã số doanh nghiệp và mã số chứng chỉ hành nghề trong đơn xin cấp giấy phép xây dựng; bỏ tài liệu “bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về

quảng cáo”; đồng thời kế thừa những nội dung đã được quy định tại Điều 31 của Luật Quảng cáo.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 96 theo hướng bỏ yêu cầu phải có văn bản chấp nhận của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa khi đề nghị cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo công trình hạ tầng kỹ thuật.

10. Sửa đổi khoản 1 Điều 102, Điều 103 theo hướng giảm thời gian cấp giấy phép xây dựng đối với công trình từ 30 ngày xuống còn 20 ngày; giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 115 theo hướng giao Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về quản lý an toàn trong thi công xây dựng.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 126 theo hướng quy định rõ đối tượng phải tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn của công trình trong quá trình khai thác sử dụng và giao Chính phủ quy định chi tiết về đánh giá an toàn của công trình trong quá trình khai thác sử dụng.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 128, Điều 130 theo hướng làm rõ thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các trường hợp xây dựng công trình theo lệnh khẩn cấp, cấp bách.

14. Sửa đổi khoản 2 Điều 132, khoản 3 Điều 136 theo hướng các chỉ tiêu, hệ thống định mức xây dựng, chỉ số giá xây dựng, giá xây dựng do Nhà nước ban hành để áp dụng bắt buộc đối với công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước/vốn đầu tư công (nếu có điều chỉnh thì phải theo quy định về việc điều chỉnh); đối với các công trình sử dụng nguồn vốn khác thì do Nhà nước công bố để tham khảo áp dụng.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 148 theo hướng bỏ yêu cầu cá nhân tham gia quản lý, cá nhân hành nghề độc lập an toàn lao động, cá nhân tham gia quản lý dự án, kiểm định xây dựng, định giá xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định; chỉ yêu cầu Giám đốc quản lý dự án, chủ trì kiểm định xây dựng, chủ trì định giá xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định; cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hạng I; bỏ nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về hoạt động xây dựng.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 159 theo hướng bỏ thủ tục đăng tải thông tin về năng lực hoạt động xây dựng và thay bằng quy định cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ có trách nhiệm đăng tải thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân lên Trang thông tin điện tử do mình quản lý, đồng thời, gửi thông tin để tích hợp trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

17. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quản lý nhà nước về an toàn trong thi công xây dựng của Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tại các Điều 162, 163 để bảo đảm phù hợp, đồng bộ với pháp luật về vệ sinh, an toàn lao động.

18. Sửa đổi quy định về phân loại hợp đồng xây dựng theo hình thức giá hợp đồng áp dụng.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện các thủ tục hành chính quy định trong Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật này

Quy định một số nguyên tắc thực hiện thủ tục hành chính theo hướng đa dạng hóa các cách thức gửi, tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; không yêu cầu cung cấp các dữ liệu, thông tin đã có trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành mà chỉ yêu cầu cung cấp mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

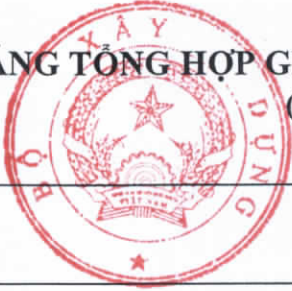
Quy định một số nội dung đang triển khai thực hiện theo Luật Xây dựng năm 2014 cần xử lý chuyển tiếp (như đối với các hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng... gửi tới cơ quan có thẩm quyền giải quyết trước ngày Luật này có hiệu lực).

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Bãi bỏ Điều 31 của Luật Quảng cáo năm 2012.
2. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2021.
3. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2020.

BẢNG TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CÁC BỘ, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng)



	Nội dung	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ Xây dựng
1	Bộ Nội vụ (văn bản số 5737/BNV-PC ngày 31/10/2017)	
	Nhất trí với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật do Bộ Xây dựng chuẩn bị	
2	Bộ Ngoại giao (văn bản số 4714/BNG-LPQT ngày 16/11/2017)	
2.1	<p>Tại phần IV chính sách 1 của dự thảo Tờ trình, đề nghị Quý Bộ giải trình thêm về sự cần thiết phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, do các công trình này có thể có phạm vi thực hiện trên nhiều tỉnh, địa phương khác nhau (như đối với công trình hầm, đường sắt, cao tốc...)</p>	<p>- Việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt nhằm tạo quyền tự chủ, tăng cường phân cấp cho địa phương, nâng cao trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mặt khác, theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết, là cơ sở để cấp giấy phép xây dựng. Như vậy, việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt là phù hợp với thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.</p> <p>- Theo quy định tại Điều 89 của Luật Xây dựng thì công trình nằm trên địa bàn 2 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, công trình xây dựng theo tuyến ngoài đô thị thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng.</p>
2.2	<p>Bổ sung nội dung đánh giá tương thích của dự thảo Luật đối với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên tại dự thảo Tờ trình, trong đó nêu: các cam kết quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong lĩnh vực liên quan đến nội dung chính sách và tính tương thích của nội dung chính sách với các cam kết quốc tế, điều ước quốc tế đó.</p> <p>(Bộ Tư pháp: đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cho đầy đủ)</p>	Tiếp thu ý kiến này, Bộ Xây dựng đã bổ sung mục VI trong Tờ trình.
3	Bộ Tài chính (văn bản số 15678/BTC-PC ngày 20/11/2017)	
3.1	<p>Tại Tờ trình đề nghị xây dựng Luật, Báo cáo đánh giá tác động của chính sách cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật chưa có đánh giá cụ thể về “<i>dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành luật, pháp lệnh sau khi được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua</i>”, mà chỉ nêu chung chung “<i>Các nội dung của dự án Luật này</i></p>	Về cơ bản dự án Luật này chỉ sửa đổi, bổ sung liên quan đến thủ tục hành chính theo hướng bỏ một số thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa giấy tờ và sửa đổi, bãi bỏ một số quy định nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất; không quy định thủ tục hành chính mới

<p><i>chủ yếu sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến TTHC theo hướng bỏ một số thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa một số giấy tờ, thủ tục và sửa đổi, bổ sung một số quy định của các Luật để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, Do vậy để đảm bảo triển khai thi hành Luật sau khi được thông qua về cơ bản, các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn sử dụng nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện hành”.</i></p> <p>Do đó, để có cơ sở Bộ Tài chính có ý kiến cụ thể về nguồn lực tài chính, đề nghị cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật cần có đánh giá cụ thể về nguồn lực tài chính và điều kiện đảm bảo; đặc biệt, đánh giá tác động của việc cắt giảm thủ tục hành chính đến việc giảm chi ngân sách nhà nước.</p> <p>(Bộ Tư pháp: đề nghị đề nghị cần đánh giá, phân tích kỹ hơn về nguồn lực tài chính và điều kiện đảm bảo; đặc biệt, lợi ích về kinh tế trong việc cắt giảm thủ tục hành chính)</p>	<p>trong Luật. Do đó, chính sách dự kiến sửa đổi, bổ sung sẽ không làm phát sinh thêm nguồn lực cũng như các điều kiện đảm bảo khác.</p> <p>Mặt khác, kể từ ngày 25/9/2017, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, việc đánh giá tác động thủ tục hành chính được thực hiện theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Theo đó, hướng dẫn về quy trình, phương pháp, biểu mẫu đánh giá về chi phí tuân thủ thủ tục hành chính tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP không còn hiệu lực, trong khi đó, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP chưa quy định cụ thể về các nội dung này nên cũng gặp khó khăn trong quá trình thực hiện.</p>
<p>3.2 Bộ Tài chính đề nghị Bộ Xây dựng phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương rà soát trình Chính phủ nội dung sửa đổi Luật Xây dựng theo hướng phân cấp thẩm quyền thẩm định dự án; thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng cho cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ thẩm định thiết kế cơ sở). Ngoài ra cần nghiên cứu quy định cho phù hợp với các trường hợp dự án sử dụng nguồn vốn hỗn hợp, các dự án PPP có vốn ngân sách nhà nước tham gia để rút ngắn được thời gian xem xét thẩm định dự án đầu tư và nâng cao trách nhiệm của người quyết định đầu tư trong việc xem xét phê duyệt dự án đầu tư; tạo sự thông thoáng, thuận lợi trong việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, góp phần tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước cũng như tạo sự chủ động cho các chủ thể khi thực hiện.</p>	<p>Luật Xây dựng năm 2003 quy định việc phân quyền cho chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở của dự án. Đối với các dự án, đặc biệt là dự án sử dụng vốn nhà nước, việc quy định chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán là thiếu chặt chẽ, dễ bị lợi dụng; đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng không đảm bảo chất lượng công trình xây dựng, gây thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong đầu tư xây dựng, ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng. Trong nhiều trường hợp chủ đầu tư hạn chế về năng lực và kinh nghiệm nên đã uỷ thác toàn bộ công việc cho tư vấn thiết kế, nhà thầu xây dựng thực hiện, thậm chí có những trường hợp chủ đầu tư còn thông đồng với tư vấn và nhà thầu để nâng khống khối lượng gây thất thoát, tham nhũng, lãng phí, không đảm bảo chất lượng công trình...</p> <p>Để khắc phục tình trạng này, Luật Xây dựng năm 2014 được xây dựng với quan điểm phải đề cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong việc quản lý, kiểm soát chất lượng công trình và chi phí xây dựng thông qua việc thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán xây dựng (đối với các công trình có vốn nhà nước). Đây chính là một trong những giải pháp để bảo đảm bảo chất lượng, an toàn công trình, chống thất thoát, lãng phí, nâng</p>

		<p>cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.</p> <p>Trường hợp các dự án sử dụng vốn hỗn hợp, dự án PPP có vốn ngân sách nhà nước tham gia được xem xét thẩm định như đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách. Theo quy định hiện hành thì cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ thẩm định thiết kế cơ sở, không thẩm định dự án. Việc đánh giá sự hợp lý trong việc áp dụng đơn giá, định mức trong xác định chi phí đầu tư xây dựng được thực hiện khi thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng.</p> <p>Thời gian qua, Bộ Xây dựng đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2017/NĐ-CP, trong đó đã tăng cường phân cấp cho người quyết định đầu tư, địa phương thẩm định dự án, thiết kế xây dựng, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Về cơ bản, đến nay, các quy định này đã nhận được sự đồng thuận cao của xã hội.</p>
<p>3.3</p>	<p>Tại Điều 62 Luật Xây dựng, hình thức quản lý dự án có một số thay đổi. Nghị định 59/2015/NĐ-CP đã có các Điều 16, 17, 18 và 19 quy định chi tiết. Tuy nhiên, một số Bộ, ngành và địa phương còn nhiều vướng mắc trong vấn đề chuyển đổi mô hình quản lý dự án theo quy định của Luật Xây dựng nêu trên, đặc biệt là đối với các dự án khởi công mới, ảnh hưởng không nhỏ đến việc giải ngân vốn đầu tư.</p> <p>Do đó, đề nghị Bộ Xây dựng tổ chức khảo sát, đánh giá về thực trạng Ban quản lý dự án tại các Bộ, ngành và địa phương từ đó đưa ra những quy định phù hợp đối với Ban quản lý dự án trong quá trình triển khai thực hiện dự án.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến này, Bộ Xây dựng đã bổ sung nội dung sửa đổi, bổ sung quy định về Ban quản lý dự án tại đề cương dự thảo Luật sửa đổi.</p>
<p>3.4</p>	<p>Về quy định điều kiện năng lực hoạt động xây dựng tại Điều 148 Luật Xây dựng: việc yêu cầu bắt buộc các doanh nghiệp xây dựng khi tham gia đấu thầu phải có chứng chỉ cấp phép do Bộ Xây dựng và các Sở Xây dựng chuyên ngành cấp cho phép hoạt động là tạo giấy phép con, gây khó khăn cho các doanh nghiệp khi hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Đề nghị Bộ Xây dựng nghiên cứu bãi bỏ hoặc chỉ cập nhật thông tin trên Website để các Chủ đầu tư được tự quyết định lựa chọn và để các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng hoạt động theo cơ chế thị trường và Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Công trình xây dựng là loại sản phẩm hàng hóa đặc thù được hình thành trong tương lai, chất lượng và an toàn của công trình (liên quan đến an toàn cộng đồng) phụ thuộc chủ yếu vào năng lực của cá nhân, tổ chức tham gia vào các hoạt động xây dựng từ lập quy hoạch xây dựng, khảo sát đến thiết kế, thi công,... để tạo ra công trình. Việc thực hiện hậu kiểm đối với sản phẩm là công trình xây dựng sẽ rất tốn kém và rất khó khắc phục trong trường hợp công trình có khiếm khuyết phải đập đi làm lại, hạ tải cắt ngọn,... và nếu xảy ra sự cố sẽ ảnh hưởng đến an toàn công trình, môi trường thậm chí gây thảm họa. Thực tế đã cho thấy, các công trình vi phạm về quản lý trật tự xây dựng, về chất lượng xây dựng kém hoặc xảy ra sự</p>

		<p>cổ, việc xử lý khắc phục rất khó khăn, phức tạp và kéo dài dẫn đến lãng phí và ảnh hưởng rất lớn đến xã hội và cộng đồng. Do đó, năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động xây dựng cần được pháp luật quy định và quản lý chặt chẽ ngay từ ban đầu. Các quy định quản lý này đã được thể chế hóa tại Luật Xây dựng năm 2003. Luật Xây dựng năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật có sự kế thừa và bổ sung các quy định hướng dẫn để có thể đánh giá năng lực của tổ chức một cách tổng thể trên cơ sở xem xét các tiêu chí về nhân sự, kinh nghiệm thực hiện công việc, tài chính, quy trình quản lý chất lượng và khả năng huy động máy móc thiết bị, từ đó hạn chế tối đa tình trạng tổ chức thực hiện công việc không phù hợp với năng lực, vay mượn năng lực dẫn đến không kiểm soát được trách nhiệm, chất lượng thực hiện công việc đồng thời khuyến khích, tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh giúp các tổ chức có năng lực thực chất phát triển bền vững. Việc công khai năng lực của tổ chức khi được cấp chứng chỉ giúp chủ đầu tư, ban quản lý dự án thuận lợi trong việc lựa chọn nhà thầu thực hiện công việc, giúp cơ quan quản lý nhà nước nắm bắt thông tin phục vụ yêu cầu quản lý.</p>
4	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư (văn bản số 9887/BKHĐT-KCHTĐT ngày 30/11/2017)</p>	
4.1	<p>Đối với khái niệm chủ đầu tư</p> <p>Tại Điểm c Khoản 2 Điều 7 Luật Xây dựng quy định: “<i>Đối với dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng dự án, hợp đồng đối tác công tư, chủ đầu tư là doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thỏa thuận thành lập theo quy định của pháp luật</i>”. Tuy nhiên, theo quy định của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (Điều 42 Khoản 2), đối với dự án BT hoặc dự án PPP nhóm C, nhà đầu tư không bắt buộc phải thành lập doanh nghiệp dự án mà có thể trực tiếp thực hiện dự án. Do đó, trong trường hợp này, chủ đầu tư của dự án chính là nhà đầu tư.</p> <p>Vì vậy, đề nghị sửa đổi Điểm c Khoản 2 Điều 7 Luật Xây dựng như sau: “<i>Đối với dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng dự án, hợp đồng đối tác công tư, chủ đầu tư là doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thỏa thuận thành lập theo quy định của pháp luật hoặc là nhà đầu tư (trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án)</i>”.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung vào điểm c khoản 2 Điều 7 Luật Xây dựng như sau: “<i>Đối với dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng dự án, hợp đồng đối tác công tư, chủ đầu tư là doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thỏa thuận thành lập theo quy định của pháp luật hoặc là nhà đầu tư (trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án)</i>”.</p>
4.2	<p>Về thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán</p>	<p>Nghị định 15/2015/NĐ-CP và Nghị định</p>

	<p>Tại Điểm b Khoản 2 Điều 82 Luật Xây dựng quy định: “Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công. Đối với trường hợp thiết kế hai bước, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình”. Do chủ đầu tư dự án PPP là doanh nghiệp dự án (theo Điểm c Khoản 2 Điều 7 Luật Xây dựng), theo quy định nêu trên, trường hợp thiết kế ba bước, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, trường hợp thiết kế hai bước, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng.</p> <p>Nghị định 15/2015/NĐ-CP quy định yêu cầu phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án BT ở mức thiết kế cơ sở. Tuy nhiên, quy định này không đảm bảo chính xác giá trị công trình để bố trí nguồn đất thanh toán phù hợp và sai khác nhiều so với giá trị công trình BT được thanh quyết toán. Do đó, nhằm đảm bảo việc quản lý chặt chẽ hơn loại dự án này, Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 15/2015/NĐ-CP quy định việc lựa chọn nhà đầu tư dự án BT được thực hiện sau khi dự án có thiết kế và dự toán xây dựng công trình (do Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh phê duyệt). Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 82 Luật Xây dựng theo hướng riêng đối với dự án BT, việc thẩm định, phê duyệt thiết kế dự toán thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.</p>	<p>thay thế Nghị định 15/2015/NĐ-CP là Nghị định quy định chi tiết Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công. Theo đó tại khoản 3 Điều 44 Luật Đầu tư công đã quy định rất cụ thể “Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan, trừ dự án quan trọng quốc gia”.</p> <p>Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 160 Luật Xây dựng năm 2014 thì một trong những nội dung quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng là tổ chức, quản lý thống nhất công tác thẩm định dự án, thiết kế xây dựng. Do vậy, việc thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán được quy định thống nhất trong Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn Luật là phù hợp với quy định của Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công. Mặt khác, tại khoản 5 Điều 78 Luật Xây dựng 2014 đã giao Chính phủ quy định chi tiết thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng. Do vậy, trường hợp dự án BT cần có những quy định đặc thù liên quan đến thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán thì có thể cân nhắc quy định trong Nghị định của Chính phủ.</p>
<p>4.3</p>	<p>Về giám sát thực hiện dự án.</p> <p>Tại Điểm e Khoản 2 Điều 68 Luật Xây dựng quy định một trong các nghĩa vụ của chủ đầu tư là: “Kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án”. Dự án thực hiện theo hình thức BT có bản chất tương tự như một dự án đầu tư công. Do đó, nhằm tránh thất thoát trong quá trình triển khai, hiện dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 15/2015/NĐ-CP quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền trực tiếp hoặc giao đơn vị quản lý dự án, ban quản lý dự án có đủ năng lực, chuyên môn thực hiện giám sát chất lượng công trình dự án BT.</p> <p>Do đó, đề nghị bổ sung nội dung điểm e, Khoản 2 Điều 68 Luật Xây dựng theo hướng: “Đối với dự án BT, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc giám sát quá trình thi công xây dựng công trình theo yêu cầu tại hợp đồng dự án”.</p>	<p>Theo quy định của pháp luật về xây dựng, dự án được đầu tư theo hình thức BT được quản lý như đối với dự án sử dụng vốn nhà nước theo đó từ khâu thiết kế đến bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng cũng luôn được cơ quan nhà nước kiểm tra đánh giá trong quá trình thực hiện. Cụ thể: cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế và dự toán, kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi đưa công trình vào khai thác sử dụng, việc quản lý dự án giao cho ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực thực hiện. Theo đó, việc đề nghị bổ sung điểm e Khoản 2 Điều 68 Luật Xây dựng theo hướng “Đối với dự án BT, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc giám sát quá trình thi công xây dựng công trình theo yêu cầu tại hợp đồng dự án” là không cần thiết.</p>
<p>4.4</p>	<p>Về quy định cấp phép thầu cho nhà thầu nước ngoài:</p> <p>Đề nghị bỏ quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Xây dựng quy định nhà thầu là tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam phải được cơ quan</p>	<p>Việc cấp phép đối với nhà thầu nước ngoài là phù hợp với thông lệ quốc tế, thể hiện chủ quyền quốc gia của nước chủ nhà đối với hoạt động kinh doanh của pháp nhân</p>

quản lý nhà nước về xây dựng cấp giấy phép hoạt động vì những lý do như sau:

(1) Khi nhà thầu nước ngoài tham dự thầu gói thầu sử dụng vốn Nhà nước tại Việt Nam và được công nhận trúng thầu thì đã được đánh giá đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật. Thông qua việc đánh giá của tổ chuyên gia và quá trình thẩm định, phê duyệt của chủ đầu tư thì nhà thầu trúng thầu hoàn toàn có đủ điều kiện để thi công gói thầu. Sau khi được công nhận trúng thầu và ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nhà thầu có trách nhiệm thi công công trình theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, việc cấp phép cho nhà thầu nước ngoài trong trường hợp này là không cần thiết, làm phát sinh thủ tục hành chính, gây khó khăn cho nhà thầu;

(2) Việc cấp phép thầu đơn thuần chỉ mang tính chất thủ tục hành chính, làm phát sinh chi phí, dễ dẫn đến cơ chế “xin - cho” và nhà thầu sẽ phân bổ các chi phí này vào giá dự thầu, làm giá dự thầu tăng, gây lãng phí;

(3) Việc cấp phép thầu chỉ mang tính hình thức vì sau khi ký hợp đồng, nếu nhà thầu không vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng thì việc không cho nhà thầu thực hiện hợp đồng thông qua việc không cấp phép là không phù hợp.

nước ngoài. Qua nghiên cứu pháp luật của các nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc cho thấy: hoạt động thầu xây dựng là một loại hình dịch vụ, không phải đầu tư để tạo ra tài sản cố định, phát triển sản xuất tạo thêm việc làm cho người lao động, cho nên các nước đều có những chính sách để quản lý loại hình dịch vụ này. Mỗi nước có những quy định khác nhau đối với công tác quản lý nhà thầu nước ngoài, nhưng đều có quy định chung là khi nhà thầu nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng đều phải đăng ký để được xét cấp giấy phép hoặc chứng nhận thầu. Có nước cấp giấy phép cho từng trường hợp nhận thầu (Malaysia, Philippin); có nước cấp theo thời hạn và bắt buộc phải lập Văn phòng đại diện để thực hiện kinh doanh tại nước họ (Trung Quốc, Indonesia); có nước quy định đối với các liên doanh xây dựng có vốn đầu tư nước ngoài trong liên doanh lớn hơn 30%, 50% thì vẫn coi là nhà thầu nước ngoài và phải thực hiện việc đăng ký để xin cấp giấy phép như những nhà thầu nước ngoài khác (Thái Lan, Philippin, Indonesia, Malaysia); có nước quy định nhà thầu nước ngoài xin cấp giấy phép như nhà thầu trong nước (Nhật Bản); có nước quy định việc cấp giấy phép thực hiện theo hai hình thức: Cấp cho việc thực hiện từng hợp đồng hoặc cấp có thời hạn cho chi nhánh (Singapore). Bất kể nhà thầu trong nước hay nước ngoài đều phải được công khai thông tin về năng lực và đáp ứng đủ điều kiện năng lực khi tham gia hoạt động xây dựng tại Việt Nam cũng như tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu. Quy định nhà thầu nước ngoài phải liên danh hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước là để đảm bảo quyền lợi của nhà thầu trong nước cũng như lợi ích của nhà thầu nước ngoài. Nhà thầu trong nước sẽ có thêm cơ hội việc làm đối với các công việc thông thường (đơn giản) mà mình đủ năng lực thực hiện; trong khi đó nhà thầu chính nước ngoài thuê nhà thầu phụ tại Việt Nam để làm các công việc này cũng sẽ giảm chi phí so với thuê nhà thầu phụ nước ngoài.

Ngoài ra, Luật số 03/2016/QH14 về sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có

		<p>điều kiện của Luật Đầu tư đã quy định: hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài là ngành nghề kinh doanh có điều kiện (thông qua việc cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài). Nhà thầu nước ngoài khi hoạt động xây dựng tại Việt Nam không yêu cầu phải có chứng chỉ năng lực như nhà thầu trong nước mà chỉ cần đề nghị cấp Giấy phép hoạt động xây dựng. Giấy phép này thay thế cho chứng chỉ năng lực của nhà thầu trong nước. Như vậy, giấy phép hoạt động xây dựng đối với nhà thầu nước ngoài là tương đương với chứng chỉ năng lực của nhà thầu trong nước. Quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Việt Nam không tạo sự đối xử với nhà thầu nước ngoài “kém thuận lợi hơn” nhà thầu trong nước, thủ tục để cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài còn đơn giản hơn thủ tục cấp chứng chỉ năng lực của nhà thầu trong nước.</p> <p>Hơn nữa, quy định về cấp, thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng đối với các nhà thầu nước ngoài phù hợp với quy định của Luật Xây dựng năm 2014 (áp dụng về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án sử dụng mọi nguồn vốn, trong khi Luật Đầu tư áp dụng đối với dự án sử dụng vốn nhà nước).</p>
5	Bộ Tư pháp (Báo cáo thẩm định số 360/BC-BTP ngày 29/11/2017)	
5.1	<p>Đề nghị ngoài nội dung các chính sách nêu tại dự thảo Tờ trình, cần tiếp tục tổng kết, đánh giá tổng thể pháp luật của từng lĩnh vực quản lý về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị trong thực tiễn; rà soát các luật với Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017 và các luật có liên quan, từ đó, chỉ ra những bất cập, vướng mắc của hệ thống pháp luật hoặc những vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý cần điều chỉnh, qua đó, đề xuất chính sách cụ thể trong đề nghị xây dựng Luật cho phù hợp, đảm bảo tính toàn diện, bao quát của đề nghị xây dựng chính sách của dự án Luật này.</p>	<p>Với những mục tiêu tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về quy hoạch, đầu tư, kinh doanh; dự án Luật này được xây dựng trên cơ sở quán triệt đầy đủ định hướng, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, yêu cầu hoàn thiện pháp luật liên quan bảo đảm thống nhất với Luật Quy hoạch tại các Nghị quyết và văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Do vậy, đề xuất chính sách cụ thể trong đề nghị xây dựng Luật về cơ bản đã bảo đảm phù hợp với mục tiêu đề ra khi xây dựng chính sách của dự án Luật này.</p>
5.2	<p>Một số chính sách đề nghị sửa đổi, bổ sung liên quan đến các quy định của Luật đất đai và các nghị định hướng</p>	<p>Các đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 94 Luật Xây</p>

	<p>dẫn thi hành (như đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 94 Luật Xây dựng; sửa đổi khoản 1 Điều 23 Luật Nhà ở), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ những nội dung này và lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường để đảm bảo tính thống nhất, tránh mâu thuẫn, chồng chéo trong hệ thống pháp luật.</p>	<p>dựng; sửa đổi khoản 1 Điều 23 Luật Nhà ở đã được đưa vào hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo và gửi lấy ý kiến các cơ quan liên quan vào năm 2016. Theo đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường, về cơ bản, đã thống nhất các nội dung nêu trên. Trong quá trình soạn thảo Luật sửa đổi, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục lấy ý kiến góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
5.3	<p>Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách dự kiến trong đề nghị xây dựng Luật.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến này, Bộ Xây dựng đã bổ sung, làm rõ tại mục VIII của Tờ trình.</p>
5.4	<p>Đề nghị cần đánh giá kỹ hơn báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo đúng các nội dung quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến này, Bộ Xây dựng đã hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động của chính sách bảo đảm các nội dung quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p>
5.5	<p>Đề nghị làm rõ việc thực hiện đăng tải dự thảo đề nghị xây dựng Luật, đồng thời, đề nghị tiếp tục lấy ý kiến của doanh nghiệp, người dân và các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước như Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến này, Bộ Xây dựng đã bổ sung một mục (mục II) về quá trình nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng Luật sửa đổi tại Tờ trình, trong đó làm rõ việc thực hiện đăng tải và lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; đồng thời, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục lấy ý kiến góp ý trong quá trình soạn thảo Luật.</p>
5.6	<p>Đề nghị đánh giá kỹ hơn các chính sách được đề xuất; bổ sung báo cáo đánh giá về thủ tục hành chính vào Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng Luật này, trong đó, cần đánh giá về sự cần thiết của thủ tục hành chính dự kiến quy định trong dự án Luật. Đồng thời, Báo cáo đánh giá tác động cần bổ sung, làm rõ hơn những nội dung xử lý chuyên tiếp khi Luật này có hiệu lực. Ngoài ra, trong Tờ trình, đề nghị phân tích để làm rõ những điều, khoản nào trong các luật có liên quan cần bãi bỏ, hoặc sửa đổi, bổ sung; những nội dung nào đang được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật khác có liên quan cần được kế thừa và những vấn đề nào thực tiễn quản lý phát sinh chưa được điều chỉnh bởi các văn bản có liên quan để đưa vào điều chỉnh trong Luật này.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến này, Bộ Xây dựng đã chỉnh sửa, hoàn thiện các tài liệu liên quan trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi.</p>
5.7	<p>Đề nghị làm rõ chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị... cần được thể chế hóa trong đề nghị xây dựng Luật này.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến này, Bộ Xây dựng đã bổ sung, làm rõ tại mục III của Tờ trình.</p>
5.8	<p>Đề nghị chỉ rõ những bất cập, vướng mắc và nguyên nhân của những bất cập, vướng mắc trong hoạt động quản lý xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy</p>	<p>Tiếp thu ý kiến này, Bộ Xây dựng đã bổ sung, làm rõ trong Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật và mục I của Tờ trình.</p>

	hoạch đô thị; trên cơ sở đó nghiên cứu đề thuyết minh rõ hơn trong Tờ trình Chính phủ sự cần thiết đưa các nội dung khác liên quan đến quản lý hoạt động xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị vào đề nghị xây dựng Luật.	
5.9	Đề nghị chỉnh lý lại cho phù hợp với các chính sách sau khi chỉnh lý, theo đó, cần thể hiện cụ thể hơn nội dung của chính sách để thuận lợi cho việc soạn thảo Luật sau khi chính sách được thông qua.	Tiếp thu ý kiến này, Bộ Xây dựng đã chỉnh lý đề cương dự thảo Luật phù hợp với các chính sách sau khi chỉnh lý.
5.10	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị xây dựng Luật đánh giá kỹ lưỡng thêm về tính khả thi khi phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, do các công trình này có thể có phạm vi thực hiện trên nhiều tỉnh, địa phương khác nhau, như đối với công trình hầm, đường sắt, cao tốc,...	<p>- Việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt nhằm tạo quyền tự chủ, tăng cường phân cấp cho địa phương, nâng cao trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mặt khác, theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết, là cơ sở để cấp giấy phép xây dựng. Như vậy, việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt là phù hợp với thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.</p> <p>- Theo quy định tại Điều 89 của Luật Xây dựng thì công trình nằm trên địa bàn 2 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, công trình xây dựng theo tuyến ngoài đô thị thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng.</p>

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Xây dựng kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Luật Xây dựng năm 2014 là đạo luật quan trọng điều chỉnh các hoạt động đầu tư xây dựng, quy hoạch xây dựng... Luật Xây dựng đã góp phần tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận các thủ tục và dịch vụ công, huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; khắc phục tư tưởng “nhà nước hóa”, “thị trường hóa” trong quản lý đầu tư xây dựng. Sau khi Luật được thông qua, Bộ Xây dựng đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và địa phương triển khai nhiều hoạt động thi hành Luật, xây dựng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Vì vậy, đã góp phần đưa hoạt động đầu tư xây dựng có nhiều khởi sắc, bộ mặt đô thị, nông thôn có nhiều thay đổi theo hướng tích cực, chất lượng công trình xây dựng được nâng cao...

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện Luật Xây dựng đã phát sinh một số vướng mắc, bất cập đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung, cụ thể là:

Thứ nhất, các quy định liên quan đến giấy phép xây dựng, thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng, điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, đăng ký thông tin về năng lực hoạt động xây dựng... chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu mới tại những chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội, Chính phủ trong thời gian qua như: yêu cầu phải “*Hoàn thiện pháp luật về đầu tư, kinh doanh; bảo đảm quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh của các chủ thể kinh tế đã được Hiến pháp quy định; xóa bỏ rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Hoàn thiện thể chế về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; có chính sách tháo gỡ những vướng mắc, tạo thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp phát triển trên cơ sở đẩy mạnh đồng bộ cải cách hành*

chính và tư pháp..” (Nghị quyết số 11-NQ/TW¹); “*xóa bỏ các rào cản, các biện pháp hành chính can thiệp trực tiếp vào thị trường sản xuất kinh doanh tạo ra bất bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực xã hội...; đơn giản hóa, rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục hành chính, nhất là về thành lập doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh, cấp phép*” (Nghị quyết số 10-NQ/TW²); yêu cầu Chính phủ báo cáo đề xuất bổ sung trình các dự án luật vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018, theo đó, cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản liên quan đến đất đai, **xây dựng**, nhà ở, đầu tư, kinh doanh để phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội (văn bản số 178/UBTVQH14-PL ngày 22/8/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

Thể chế hóa chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị quyết³ trong đó nhấn mạnh việc rà soát, đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính, bãi bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, không phù hợp, bảo đảm tính minh bạch trong việc ban hành các điều kiện đầu tư kinh doanh. Đặc biệt, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 25/8/2018⁴, trong đó giao Bộ Xây dựng tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, thực hiện cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ hai, trong quá trình triển khai thực hiện Luật Xây dựng, một số quy định của Luật đã phát sinh những hạn chế, bất cập như thời gian cấp giấy phép xây dựng còn dài; điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với một số công trình còn chưa phù hợp với thực tiễn; quy định những công trình được cấp giấy phép theo giai đoạn, phân kỳ đầu tư còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, chưa tạo sự chủ động, linh hoạt đối với các dự án; việc thành lập, vận hành Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng còn nhiều lúng túng, khó thực hiện; điều kiện năng lực đối với một số ngành nghề chưa bình đẳng; quy định công bố các chỉ tiêu, hệ thống định mức xây dựng, chỉ số giá, giá xây dựng, các loại hợp đồng xây dựng và các quy định liên quan đến quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình, đánh giá an toàn công trình, xây dựng các công trình khẩn cấp, cấp bách... cũng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

¹ Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/06/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

² Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/06/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

³ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017, Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 06/02/2017, Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 11/7/2017, Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 09/8/2017, Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 31/8/2017, Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017, Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 25/8/2018.

⁴ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 25/8/2018 về một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách liên quan đến đầu tư xây dựng.

Thứ ba, các quy định của Luật Xây dựng liên quan đến nhiều lĩnh vực khác đang được điều chỉnh trong các luật chuyên ngành. Tuy nhiên, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt chưa đồng bộ với thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết; chưa có sự kết nối về thời điểm thực hiện thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường với thẩm định thiết kế; quy định cơ quan đầu mối tổng hợp thẩm định và trình phê duyệt dự án đối dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng chưa thống nhất với Luật Đầu tư công; việc cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo chưa đồng bộ với Luật Quảng cáo... Những quy định chưa thực sự đầy đủ, rõ ràng, chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật đòi hỏi phải sớm sửa đổi Luật Xây dựng.

Do vậy, việc sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng năm 2014 để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tháo gỡ những vướng mắc, tạo thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, giải quyết những vấn đề bức xúc của người dân, doanh nghiệp... là yêu cầu cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích

Mục đích của việc sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng năm 2014 là thể chế hóa Nghị quyết của Đảng, Chính phủ về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu tạo điều kiện thuận lợi, minh bạch, bình đẳng cho người dân và doanh nghiệp; khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn công tác đầu tư xây dựng; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng Luật

Thứ nhất, tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Thứ hai, tập trung sửa đổi, bổ sung những vấn đề mang tính cấp bách, cần thiết nhất để tháo gỡ vướng mắc, bất cập về thể chế, tạo cơ sở pháp lý để khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đặc biệt là các quy định về thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Thứ ba, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, bảo đảm tính tương thích của các chính sách với các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Thứ tư, tăng cường sự quản lý thống nhất của trung ương đi đôi với phân cấp và nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương, bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động đầu tư xây dựng.

III. QUÁ TRÌNH LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung pháp luật nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và phù hợp với Luật Quy hoạch, Bộ Xây dựng đã nghiên cứu, đề xuất xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch đô thị (gọi tắt là Luật sửa đổi), Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 360/BC-BTP ngày 29/11/2017 đối với đề nghị xây dựng Luật sửa đổi và Chính phủ đã thông qua các nhóm chính sách tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/12/2017. Bộ Xây dựng đã trình Chính phủ dự án Luật tại Tờ trình số 08/TTr-BXD ngày 09/3/2018, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Tờ trình số 102/TTr-CP ngày 05/4/2018. Theo Thông báo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 23 (tháng 4/2018) số 1691/TB-TTKQH ngày 20/4/2018 thì dự án Luật này được tách thành 02 nội dung: các nội dung sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Quy hoạch được gộp với nội dung sửa đổi, bổ sung các luật do Bộ Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối chuẩn bị; các nội dung sửa đổi, bổ sung để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh sẽ xem xét, thông qua tại 02 kỳ họp của Quốc hội.

Tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 25/8/2018 của Chính phủ, Bộ Xây dựng được giao tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, thực hiện cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 7.

Ngày 08/01/2019, Bộ Xây dựng đã có Văn bản số 32/BXD-PC báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép sửa đổi, bổ sung riêng Luật Xây dựng và trình Quốc hội vào kỳ họp thứ 8. Ngày 22/01/2019, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 599/VPCP-PL thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý với kiến nghị của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 32/BXD-PC và giao Bộ Xây dựng hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (gọi tắt là dự án Luật) trên cơ sở các chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/12/2017; gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 599/VPCP-PL, Bộ Xây dựng đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật, trình Chính phủ tại Tờ trình số 08/TTr-BXD ngày 28/01/2019 trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các chính sách của Luật đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 131/NQ-CP. Dự án Luật này đã được Chính phủ tổng hợp vào dự kiến Chương

trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019 kèm theo Tờ trình số 48/TTr-CP ngày 25/02/2019.

Ngày 14/3/2019, Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đã có buổi làm việc với Bộ Xây dựng, Thường trực Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Vụ Pháp luật và Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Văn phòng Quốc hội để phối hợp thẩm tra và có văn bản số 1246/UBKHCMNT14 ngày 15/3/2019 góp ý đối với dự án Luật. Trên cơ sở những tiếp thu các ý kiến góp ý, Bộ Xây dựng hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật trình Chính phủ.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng vẫn giữ nguyên phạm vi điều chỉnh của Luật Xây dựng năm 2014, chỉ sửa đổi, bổ sung các quy định về nội dung, trình tự thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng; thẩm quyền, trình tự, đối tượng cấp giấy phép xây dựng; hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; điều kiện năng lực trong hoạt động xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng trong hoạt động xây dựng; an toàn trong thi công xây dựng, an toàn công trình; xây dựng công trình theo lệnh khẩn cấp, cấp bách. Bên cạnh đó, sửa đổi, bổ sung một số nội dung về sử dụng từ ngữ, cách thức thực hiện thủ tục hành chính..., không thay đổi về chính sách.

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT

1. Chính sách 1: Cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng

1.1. Mục tiêu của chính sách:

- Tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi cho nhà đầu tư thực hiện các hoạt động đầu tư xây dựng, thực hiện hiệu quả chủ trương thu hút đầu tư của Nhà nước; đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân trong hoạt động xây dựng.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục liên quan đến cấp giấy phép xây dựng và các thủ tục khác có liên quan; góp phần giảm thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc cấp giấy phép, miễn cấp giấy phép xây dựng cho một số công trình xây dựng; tháo gỡ các vướng mắc, bất cập hiện nay trong hoạt động đầu tư xây dựng.

- Tạo sự chủ động, rõ trách nhiệm của Bộ Xây dựng, các Bộ, ngành, chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn về xây dựng trong hoạt động đầu tư xây dựng.

1.2. Nội dung của chính sách: Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, đổi mới cơ chế quản lý đầu tư xây dựng, đặc biệt là các thủ tục liên quan đến cấp giấy phép xây dựng và các thủ tục khác có liên quan.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp:

1.3.1. Giải pháp:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 50; Điều 57; Điều 58; Điều 82; Điều 84 theo hướng đơn giản hóa nội dung, trình tự đầu tư xây dựng, thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Theo đó, không yêu cầu thẩm định lại những nội dung đã được thẩm định/ thẩm tra trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư; bổ sung, làm rõ việc thực hiện lồng ghép, đồng thời, song song các thủ tục liên quan trong quá trình thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng; làm rõ cơ quan đầu mối tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 89 theo hướng: (1) bổ sung đối tượng được miễn giấy phép xây dựng, bao gồm: công trình xây dựng thuộc dự án đã có quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt và đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định đầu tư; một số công trình quảng cáo, công trình quy mô nhỏ khác; (2) thể hiện lại các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng để tránh trùng lặp; (3) bổ sung trường hợp cấp giấy phép xây dựng theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Không giới hạn cấp công trình được cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn khi đã có thiết kế xây dựng được thẩm định (Điều 89)

- Bãi bỏ yêu cầu phù hợp với mục đích sử dụng đất, sửa đổi yêu cầu thuộc khu vực quy hoạch phân khu xây dựng đã được phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (Điều 91, Điều 94).

- Sửa đổi Điều 95 theo hướng bỏ yêu cầu cung cấp bản sao quyết định đầu tư, bản sao chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng và thay bằng việc cung cấp mã số doanh nghiệp và mã số chứng chỉ hành nghề trong đơn xin cấp giấy phép xây dựng.

- Giảm thời gian cấp phép xây dựng đối với công trình từ 30 ngày xuống còn 20 ngày để rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng (Điều 102).

- Giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt (Điều 103).

- Giao cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hạng I (Điều 148).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 159 theo hướng bỏ thủ tục đăng tải thông tin về năng lực hoạt động xây dựng và thay bằng quy định cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ có trách nhiệm đăng tải thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân lên Trang thông tin điện tử do mình quản lý, đồng thời, gửi thông tin để tích hợp trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 128, Điều 130 theo hướng quy định cụ thể về việc giao thầu đối với công trình theo lệnh khẩn cấp, cấp bách, đồng thời, cần làm rõ trình tự đầu tư xây dựng đối với loại công trình này nhằm đạt được mục tiêu đề ra đối với loại công trình này.

- Sửa đổi Điều 132, Điều 136 theo hướng các chỉ tiêu, hệ thống định mức xây dựng, chỉ số giá xây dựng, giá xây dựng do Nhà nước ban hành để áp dụng bắt buộc đối với công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước (nếu có điều chỉnh thì phải theo quy định về việc điều chỉnh); đối với các công trình sử dụng nguồn vốn khác thì do Nhà nước công bố để tham khảo áp dụng.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức tổ chức quản lý dự án tại Điều 62, Điều 63.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 126 theo hướng quy định rõ đối tượng phải thực hiện đánh giá an toàn của công trình trong quá trình khai thác, sử dụng. Bổ sung giao trách nhiệm Chính phủ quy định chi tiết về đánh giá định kỳ về an toàn của công trình xây dựng trong quá trình khai thác, sử dụng.

- Sửa đổi, bổ sung một số khái niệm, thuật ngữ, công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp, cấp bách, hợp đồng trong hoạt động xây dựng...

1.3.2. Lý do lựa chọn giải pháp:

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí để thực hiện thủ tục hành chính trong việc cấp giấy phép xây dựng, đăng ký đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng;

- Tháo gỡ các vướng mắc hiện nay trong vấn đề áp dụng mô hình quản lý dự án, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư, bảo đảm phù hợp với thực tế triển khai thực hiện dự án hiện nay.

- Ngăn ngừa, hạn chế các rủi ro của công trình trong quá trình khai thác, sử dụng, cũng như có các cảnh báo tới cộng đồng được kịp thời.

- Tạo sự minh bạch, thuận lợi cho hoạt động đầu tư xây dựng của chủ đầu tư trong quá trình triển khai trên thực tế.

- Xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ Xây dựng, cơ quan đầu mối tổng hợp, tạo quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về xây dựng trong hoạt động đầu tư xây dựng.

2. Chính sách 2: Bãi bỏ, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực xây dựng

2.1. Mục tiêu của chính sách: nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực hoạt động xây dựng.

2.2. Nội dung của chính sách: thực hiện bãi bỏ, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực xây dựng.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp

- **Giải pháp:** Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 5 Điều 148 theo hướng bỏ yêu cầu cá nhân tham gia quản lý, cá nhân hành nghề độc lập an toàn lao động; cá nhân tham gia quản lý dự án, kiểm định xây dựng, định giá xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định; chỉ yêu cầu Giám đốc quản lý dự án, chủ trì kiểm định xây dựng, chủ trì định giá xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định; bỏ nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về hoạt động xây dựng.

- **Lý do lựa chọn giải pháp:** Bảo đảm phù hợp với Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư; đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh.

3. Chính sách 3: Hoàn thiện chính sách, pháp luật về xây dựng bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với pháp luật có liên quan

3.1. Mục tiêu của chính sách: nhằm bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với pháp luật về quảng cáo, an toàn vệ sinh lao động.

3.2. Nội dung của chính sách: sửa đổi, bổ sung các quy định về hồ sơ cấp giấy phép xây dựng, hướng dẫn về an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình bảo đảm thống nhất với pháp luật liên quan.

3.3. Giải pháp thực hiện và lý do lựa chọn giải pháp

3.3.1. Giải pháp

- Bổ sung vào các Điều 115, 162, 163 nội dung giao Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về quản lý an toàn thi công xây dựng; làm rõ trách nhiệm của Bộ Xây dựng là cơ quan thống nhất quản lý nhà nước về an toàn an toàn, vệ sinh lao

động trong thi công xây dựng công trình, các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình chuyên ngành.

- Bỏ điểm b khoản 6 Điều 95 và sửa đổi khoản 4 Điều 96 theo hướng quy định cụ thể hơn hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo. Đồng thời, bãi bỏ Điều 31 của Luật Quảng cáo năm 2012, việc cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3.3.2. Lý do lựa chọn giải pháp:

- Để phù hợp, đồng bộ với pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và làm rõ trách nhiệm của Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình.

- Thống nhất quy định về cấp giấy phép xây dựng trong pháp luật về xây dựng và pháp luật về quảng cáo.

V. TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

Các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật đảm bảo tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT

Việc sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng chủ yếu sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến thủ tục hành chính theo hướng bỏ một số thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa một số giấy tờ, thủ tục và sửa đổi, bổ sung một số quy định pháp luật có liên quan để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất. Do vậy, để bảo đảm triển khai thi hành Luật sau khi được thông qua, về cơ bản, các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn sử dụng nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện hành.

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH XEM XÉT, THÔNG QUA

Bộ Xây dựng đề nghị đưa dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019.

- Thời gian trình Chính phủ: tháng 7/2019

- Thời gian trình Quốc hội cho ý kiến: tháng 10/2019

- Thời gian trình Quốc hội thông qua: tháng 5/2020

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Bộ Xây dựng kính trình Chính phủ. / XH

(Bộ Xây dựng xin gửi kèm theo Tờ trình này hồ sơ đề nghị xây dựng luật bao gồm: (1) Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Xây dựng; (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật; (3) Đề cương dự thảo Luật; (4) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng Luật; (5) Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (6) Bản chụp ý kiến góp ý và tài liệu liên quan khác).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các thành viên Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội: Pháp luật, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, HĐXD, PC.



BỘ TRƯỞNG

Phạm Hồng Hà

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật quy hoạch đô thị

Kính gửi:

- Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính phủ.

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và theo đề nghị của Bộ Xây dựng, trên cơ sở nghiên cứu và kết quả cuộc họp Hội đồng tư vấn thẩm định, Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật quy hoạch đô thị (sau đây gọi chung là đề nghị xây dựng Luật) như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành văn bản; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản

a) Về sự cần thiết ban hành Luật

Thi hành Luật xây dựng năm 2014, Luật nhà ở năm 2014, Luật kinh doanh bất động sản năm 2014, Luật quy hoạch đô thị năm 2009, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành đầy đủ và kịp thời các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật này. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đã tạo hành lang pháp lý cho hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản, góp phần quan trọng trong việc phát triển thị trường bất động sản và hạ tầng xây dựng ở nước ta; tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản và các tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan thực thi, chấp hành đúng quy định của pháp luật xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản.

Tuy nhiên, sau hơn 03 năm triển khai thi hành Luật xây dựng năm 2014, Luật nhà ở năm 2014, Luật kinh doanh bất động sản năm 2014, sau hơn 08 năm triển khai thi hành Luật quy hoạch đô thị năm 2009, các Luật đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế liên quan đến hoạt động quản lý xây dựng, kinh doanh bất động sản. Bên cạnh đó, ngày 24 tháng 11 năm 2017, Quốc hội đã thông qua Luật quy

hoạch, trong đó có Phụ lục 3 về Danh mục các bộ luật, Luật quy định về quy hoạch cần sửa đổi, bổ sung đặt ra yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Luật xây dựng, Luật quy hoạch đô thị

Ngoài ra, việc hoàn thiện các quy định của Luật xây dựng năm 2014, Luật nhà ở năm 2014, Luật kinh doanh bất động sản năm 2014, Luật quy hoạch đô thị năm 2009 để góp phần tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, người dân đã được Chính phủ quan tâm chỉ đạo và thể hiện tại các Nghị quyết của Chính phủ như Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020, Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020, Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2017 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện nghị quyết số ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khoá XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2017 phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2017, Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2017 về phiên họp Chính phủ chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2017 và Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là rất cần thiết.

Để khắc phục những bất cập, hạn chế của Luật xây dựng năm 2014, Luật nhà ở năm 2014, Luật kinh doanh bất động sản năm 2014 và Luật quy hoạch đô thị năm 2009; đồng thời nhằm thể chế hóa quan điểm của Đảng tại các Nghị quyết về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cũng như sửa đổi một số quy định cho đồng bộ với Luật quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017 thì việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật quy hoạch đô thị là cần thiết.

b) Về đối tượng, phạm vi điều chỉnh của đề nghị xây dựng Luật

Với mục tiêu cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng giảm bớt điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản nhằm tạo điều kiện thuận lợi, minh

bạch, bình đẳng cho người dân và doanh nghiệp, việc sửa đổi, bổ sung dự án Luật này được xây dựng nhằm cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các điều kiện đầu tư, kinh doanh không còn phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tư pháp nhất trí với phạm vi điều chỉnh của dự án Luật này là sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 luật, bao gồm: Luật xây dựng, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật quy hoạch đô thị.

2. Về sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước, cụ thể:

- Phù hợp với chủ trương của Đảng về việc: *“Đổi mới cơ chế, chính sách, kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường, gồm một số đô thị lớn, nhiều đô thị vừa và nhỏ liên kết và phân bố hợp lý trên các vùng; chú trọng phát triển đô thị miền núi, phát triển mạnh các đô thị ven biển. Nâng cao chất lượng, tính đồng bộ và năng lực cạnh tranh của các đô thị; chú trọng phát huy vai trò, giá trị đặc trưng của các đô thị động lực phát triển kinh tế cấp quốc gia và cấp vùng, đô thị di sản, đô thị sinh thái, đô thị du lịch, đô thị khoa học”* đã được nêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII.

- Phù hợp với yêu cầu: *“Kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị, hoàn thiện mô hình phát triển kinh tế đô thị, tổ chức bộ máy chức năng, nhiệm vụ và phương hướng quản lý của chính quyền đô thị; rà soát hoàn thiện quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị quốc gia tầm nhìn 2050”* nêu tại Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị trung ương 4 khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Phù hợp với nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, theo đó cần phải *“xây dựng khung pháp Luật và các công cụ, chính sách cụ thể, đồng bộ, hoàn chỉnh để quản lý và kiểm soát chặt chẽ quá trình đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch; nghiên cứu xây dựng dự án Luật đô thị. Rà soát các quy hoạch liên quan đến công tác quản lý đô thị, nhất là tại các thành phố lớn”*.

3. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật và tính khả thi, tính dự báo của nội dung chính sách, các

kiên quyết không để xảy ra tình trạng bạo hành trẻ em. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan chuẩn bị tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc của Chính phủ về giải pháp phòng, chống bạo hành trẻ em. Bộ Công an chỉ đạo lực lượng chức năng điều tra, xử lý nghiêm các hành vi bạo hành trẻ em.

- Bộ Văn hóa và Thể thao và Du lịch phối hợp với các địa phương thực hiện tốt Phong trào toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa. Khuyến khích, vận động Nhân dân tham gia, hưởng ứng xây dựng con người Việt Nam có lối sống, nếp sống văn hóa lành mạnh, tôn vinh, đề cao những phẩm chất tốt đẹp, cao thượng, nhân văn; đấu tranh phê phán, chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực, trái đạo lý.

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tiếp tục theo dõi sát tình hình, chủ động phương án ứng phó và kịp thời xử lý, ngăn chặn có hiệu quả các âm mưu và hoạt động chống phá, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

- Các bộ, cơ quan, địa phương tập trung chỉ đạo tăng cường công tác phòng, chống tội phạm; phòng, chống cháy nổ; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại trong dịp cuối năm và Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí cung cấp thông tin trung thực, kịp thời, khách quan về tình hình kinh tế - xã hội của đất nước; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, lợi dụng quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ. Khẩn trương thực hiện việc kiện toàn cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin theo quy định tại Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, theo hướng thống nhất giao cho đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin hiện có làm đầu mối tham mưu, quản lý về an toàn hệ thống thông tin, không để xảy ra tình trạng chông chéo nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ cần bám sát ba nội dung định hướng trọng tâm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ năm 2018 như đã được báo cáo trước Trung ương Đảng, Quốc hội; tập trung đánh giá thực trạng, phân tích kỹ nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế cũng như khó khăn, thách thức thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách để có giải pháp khắc phục; rà soát toàn bộ cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan; trên cơ sở đó đề ra những nhiệm vụ, giải pháp điều hành trọng tâm đối với từng ngành, từng lĩnh vực trong năm 2018, trong đó ưu tiên thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của các Nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội đã đề ra; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự thảo Nghị quyết về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2018. Quán triệt tinh thần chỉ đạo, điều hành năm 2018 hiệu quả hơn, toàn diện hơn và bền vững hơn, khắc phục ngay tình trạng trì trệ

đường sắt, cao tốc, ...). Một số chính sách đề nghị sửa đổi, bổ sung liên quan đến các quy định của Luật đất đai và các nghị định hướng dẫn thi hành (như đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 94 Luật xây dựng; sửa đổi khoản 1 Điều 23 Luật nhà ở), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ những nội dung này và lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường để đảm bảo tính thống nhất, tránh mâu thuẫn, chồng chéo trong hệ thống pháp luật. Trường hợp cần thiết phải sửa Luật đất đai thì đề nghị đưa vào dự án sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai vì Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đang tiến hành thực hiện các hoạt động sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai.

- Về chính sách bãi bỏ, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

Với mục tiêu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, cá nhân đầu tư xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, chính sách này đề nghị bãi bỏ, đơn giản hóa một số điều kiện đầu tư kinh doanh đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước ngành xây dựng.

Tuy nhiên, việc bãi bỏ một số ngành nghề đầu tư có điều kiện như đề xuất của chính sách cũng cần đánh giá kỹ các tác động khi bỏ các điều kiện thì sẽ ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người dân khi không có các cơ chế pháp lý điều chỉnh, ví dụ: bãi bỏ ngành, nghề kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư và điều kiện của đơn vị quản lý nhà chung cư; vấn đề bỏ quy định về vốn pháp định.

- Về chính sách hoàn thiện pháp luật có liên quan để bảo đảm đồng bộ với chính sách mới được đề xuất tại dự án Luật

Nội dung trong chính sách này của đề nghị xây dựng Luật đề cập đến việc sửa đổi, bổ sung các luật khác có liên quan như: Luật đầu tư, Luật quảng cáo, Luật đấu thầu. Đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị cân nhắc kỹ chính sách này với các lý do sau đây:

+ Tên gọi của Luật là Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật quy hoạch đô thị và phạm vi điều chỉnh dự kiến chỉ giới hạn trong việc sửa đổi 04 Luật đã nêu;

+ Các luật này thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các Bộ khác (Luật quảng cáo thuộc lĩnh vực của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Luật đấu thầu; Luật đầu tư thuộc lĩnh vực của Bộ Kế hoạch và Đầu tư), nhưng trong hồ sơ gửi thẩm định chưa có ý kiến của các Bộ này.

Theo Bộ Tư pháp, chính sách này mang tính kỹ thuật nhưng lại liên quan đến phạm vi điều chỉnh của dự án Luật và thuộc chức năng quản lý nhà nước của các Bộ có liên quan. Mặt khác, hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đang xây dựng đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư,

Luật doanh nghiệp. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật trao đổi với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đưa nội dung chính sách liên quan đến đầu tư và đấu thầu vào dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp. Đối với Luật đấu thầu, do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa đề xuất sửa đổi, bổ sung nên cơ quan chủ trì cần trao đổi với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng xử lý. Đối với kiến nghị nội dung liên quan đến Luật quảng cáo, trong khi chưa sửa đổi, bổ sung Luật quảng cáo mà đưa vào sửa đổi, bổ sung trong dự án Luật này, đề nghị trao đổi và lấy ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

c) Về tính thống nhất của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật

Các chính sách trong đề nghị xây dựng đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật về xây dựng, nhà ở, quy hoạch.

d) Về tính khả thi, tính dự báo của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản

Các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật cần được đánh giá tác động kỹ lưỡng hơn để đảm bảo tính khả thi, tính dự báo của nội dung chính sách.

đ) Về các giải pháp và điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách dự kiến trong đề nghị xây dựng văn bản

Dự thảo Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động chưa có nội dung đánh giá về điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách dự kiến trong đề nghị xây dựng Luật. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật bổ sung nội dung đánh giá này cho đầy đủ.

4. Tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật đảm bảo tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Tuy nhiên, trong dự thảo Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động chưa có nội dung đánh giá về tính tương thích của đề nghị xây dựng Luật với các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật bổ sung nội dung đánh giá này cho đầy đủ.

5. Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách

Đề nghị xây dựng Luật chủ yếu giải quyết các vướng mắc, bất cập phát sinh liên quan đến thủ tục hành chính, bãi bỏ một số điều kiện đầu tư, kinh doanh nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp; thể chế

hóa chủ trương, đường lối của Đảng đã được thể hiện trong các văn kiện, Nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế thị trường ở nước ta. Những chính sách đưa vào đề nghị xây dựng Luật đã được cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật cân nhắc, lựa chọn trên cơ sở tổng kết, đánh giá thi hành các Luật nêu trên và đánh giá tác động các chính sách này trong tình hình kinh tế - xã hội hiện nay và trong thời gian tới, trong bối cảnh hội nhập, nên nhìn chung có tính khả thi trong quá trình triển khai thi hành.

6. Một số vấn đề khác

a) Theo dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật chưa có đánh giá cụ thể về “*dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành luật, pháp lệnh sau khi được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua*”, mà chỉ nêu chung chung “*Các nội dung của dự án Luật này chủ yếu sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến thủ tục hành chính theo hướng bỏ một số thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa một số giấy tờ, thủ tục và sửa đổi, bổ sung một số quy định của các Luật để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất. Do vậy để đảm bảo triển khai thi hành Luật sau khi được thông qua về cơ bản, các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn sử dụng nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện hành*”. Do đó, để đảm bảo việc thực hiện các chính sách đạt hiệu quả, khả thi, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật cần đánh giá, phân tích kỹ hơn về nguồn lực tài chính và điều kiện đảm bảo; đặc biệt, lợi ích về kinh tế trong việc cắt giảm thủ tục hành chính.

b) Về đánh giá tác động của giải pháp đề xuất, cả 04 chính sách đều chưa có đánh giá tác động toàn diện; chưa thể hiện đầy đủ đánh giá tác động tích cực (lợi ích), tiêu cực (chi phí) của từng chính sách đối với Nhà nước, người dân, doanh nghiệp cũng như phương pháp đánh giá tác động (định tính, định lượng hay kết hợp cả hai). Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật cần đánh giá kỹ hơn báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo đúng các nội dung quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, mỗi chính sách đề nghị cần phải đảm bảo đủ 05 nội dung chính, gồm: (i) xác định vấn đề bất cập; (ii) mục tiêu giải quyết vấn đề; (iii) các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề; (iv) đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan; và (v) kiến nghị giải pháp lựa chọn.

7. Việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập đề nghị xây dựng Luật

Việc xây dựng đề nghị xây dựng Luật đã được cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Tuy nhiên, dự thảo Tờ trình chưa thể hiện việc đăng tải dự

thảo đề nghị xây dựng Luật, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, việc sửa đổi, bổ sung các luật này có tác động đến người dân, doanh nghiệp, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật tiếp tục lấy ý kiến của doanh nghiệp, người dân và các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước như Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

II. KẾT LUẬN

Đề nghị xây dựng Luật đủ điều kiện trình Chính phủ, tuy nhiên. Đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật nghiên cứu các ý kiến thẩm định để tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng luật.

Đề nghị cơ quan chủ trì lập xây dựng Luật lưu ý hoàn thiện các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xây dựng luật như sau:

+ Về Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật đánh giá kỹ hơn các chính sách được đề xuất; bổ sung báo cáo đánh giá về thủ tục hành chính vào Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng Luật này, trong đó, cần đánh giá về sự cần thiết của thủ tục hành chính dự kiến quy định trong dự án Luật. Đồng thời, Báo cáo đánh giá tác động cần bổ sung, làm rõ hơn những nội dung xử lý chuyển tiếp khi Luật này có hiệu lực.

Ngoài ra, trong Tờ trình, đề nghị phân tích để làm rõ những điều, khoản nào trong các luật có liên quan cần bãi bỏ, hoặc sửa đổi, bổ sung; những nội dung nào đang được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật khác có liên quan cần được kế thừa và những vấn đề nào thực tiễn quản lý phát sinh chưa được điều chỉnh bởi các văn bản có liên quan để đưa vào điều chỉnh trong Luật này.

+ Quan điểm đề nghị xây dựng Luật này là thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 và nội luật hóa các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, trong các tài liệu kèm theo chưa thấy thể hiện chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị đã được ghi nhận tại văn bản của Đảng, quy định của Hiến pháp liên quan đến xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị và Điều ước quốc tế nào có liên quan cần phải nội luật hóa trong đề nghị xây dựng Luật này. Vì vậy, đề nghị bổ sung các nội dung trên vào trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật và kinh nghiệm quản lý xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị của một số nước có trình độ quản lý hiện đại, phát triển để nghiên cứu quy định cho phù hợp với thực tiễn của nước ta.

+ Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật cần chi rõ những bất cập, vướng mắc và nguyên nhân của những bất cập, vướng mắc trong hoạt động quản lý xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị; trên cơ sở đó nghiên cứu đề thuyết minh rõ hơn trong Tờ trình Chính phủ sự cần thiết đưa các nội dung khác liên quan đến quản lý hoạt động xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị vào đề nghị xây dựng Luật.

+ Về đề cương dự thảo Luật, đề nghị cơ quan chủ trì đề nghị xây dựng Luật chính lý lại cho phù hợp với các chính sách sau khi chính lý, theo đó, cần thể hiện cụ thể hơn nội dung của chính sách để thuận lợi cho việc soạn thảo Luật sau khi chính sách được thông qua.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật quy hoạch đô thị, xin gửi Bộ Xây dựng, Văn phòng Chính phủ. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ V&C&DPL (để theo dõi);
- Công TTĐT Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PLDSKT (VT, KTN).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



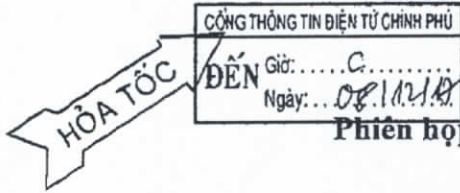
Phan Chí Hiếu

CHÍNH PHỦ

Số: 131/NQ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2017



NGHỊ QUYẾT

Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2017

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Trên cơ sở thảo luận của các thành viên Chính phủ và kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2017, tổ chức vào ngày 01 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT NGHỊ:

1. Về tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2017, tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2017

Chính phủ thống nhất đánh giá: Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2017 tiếp tục chuyển biến tích cực. Kinh tế vĩ mô ổn định; lạm phát được kiểm soát; các cân đối lớn cơ bản được bảo đảm; lãi suất cho vay giảm nhẹ. Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng mạnh, nhất là ngành chế biến, chế tạo. Khu vực dịch vụ duy trì đà phát triển khá. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và doanh nghiệp mới thành lập tăng mạnh. Xuất khẩu tiếp tục tăng cao, xuất siêu 48 tỷ USD. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh được tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt. Công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ được chỉ đạo thực hiện quyết liệt, kịp thời. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt nhiều kết quả tích cực. Với sự vào cuộc nhiệt tình, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và nhân dân, Năm APEC 2017, đặc biệt là Tuần lễ cấp cao APEC 2017 đã được tổ chức chu đáo, thành công, tạo dấu ấn Việt Nam với nhiều sáng kiến được thông qua, được dư luận quốc tế đánh giá cao, góp phần khẳng định uy tín của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

Bên cạnh đó, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức: Thiên tai, bão lũ gây thiệt hại lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống của người dân. Giải ngân vốn đầu tư công chậm. Sản xuất, kinh doanh vẫn còn khó khăn. Nhiều vấn đề xã hội như: tình trạng bạo hành trẻ em; buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng; vệ sinh an toàn thực phẩm... gây bức dư luận xã hội. Trật tự, an toàn xã hội ở một số địa bàn diễn biến phức tạp. Tai nạn giao thông, cháy nổ nghiêm trọng còn xảy ra nhiều.

Trong tháng cuối của năm 2017, Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương, đặc biệt các địa phương là trung tâm kinh tế tập trung nỗ lực cao nhất, đề

cao vai trò người đứng đầu, tập trung chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đẩy mạnh cải cách hành chính; tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh dịp cuối năm; phấn đấu đạt kết quả tốt nhất, toàn diện nhất các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2017; trong đó tập trung thực hiện một số nội dung sau:

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường tiền tệ trong và ngoài nước, chủ động có các giải pháp điều hành phù hợp, nhất là trong dịp cuối năm và Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công theo Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2017, bảo đảm thực hiện và giải ngân hết nguồn vốn đầu tư công được giao năm 2017. Rà soát, đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư công (đã ký kết và thực hiện) sử dụng nguồn vốn vay kém ưu đãi như OCR của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) hay IBRD của Ngân hàng Thế giới (WB), đề xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải pháp tìm kiếm nguồn vốn vay phù hợp. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, bảo đảm sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, chống tham nhũng, lãng phí, lợi ích nhóm. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh theo tinh thần các Nghị quyết số 19/NQ-CP và 35/NQ-CP của Chính phủ và Chỉ thị 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh triển khai các dịch vụ hành chính điện tử trong đăng ký kinh doanh.

- Bộ Tài chính thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách; tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu, chuyển giá, nợ đọng thuế; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; tăng cường kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật về giá, thuế, phí, lệ phí. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành chức năng và các địa phương theo dõi chặt chẽ tình hình giá cả, thị trường, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, có giải pháp phù hợp giảm thiểu biến động về giá cả, thị trường; xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả dịp cuối năm.

- Bộ Công Thương chủ động nắm bắt thông tin về điều chỉnh chính sách nhập khẩu của các nước đối tác để có phản ứng chính sách kịp thời. Theo dõi sát tình hình cung cầu hàng hóa, đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu, kịp thời có giải pháp thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng dịp cuối năm và Tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018; bảo đảm cung ứng đủ nhu yếu phẩm thiết yếu cho người dân vùng bị thiên tai, bão lũ.

- Các bộ, ngành, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước quyết liệt triển khai kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước theo đúng lộ trình đã phê duyệt; đẩy mạnh thoái vốn nhà nước, nhất là ở một số doanh nghiệp lớn, bảo đảm minh bạch, theo cơ chế thị trường, chống thất thoát, tiêu cực, lợi ích nhóm.

- Chuyển giao Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (hiện do Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước quản lý) và Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con có số dư tại thời điểm 31/12/2017 về Bộ Tài chính trực tiếp quản lý theo nhiệm vụ được Chính phủ giao

tại Khoản 4 Điều 39 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017; trước mắt tạm nộp toàn bộ số dư bằng tiền các quỹ trên về Bộ Tài chính trước ngày 10/12/2017. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn việc quyết toán theo nguyên tắc được quy định tại Điều 44 và Điều 48 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 và các quy định có liên quan.

- Bộ Giao thông vận tải báo cáo Thủ tướng Chính phủ tổng thể về các dự án BOT, đặc biệt là dự án BOT Cai Lậy, Tiền Giang; đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả Quỹ bảo trì đường bộ trong tháng 12 năm 2017. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan tổ chức Hội nghị toàn quốc về logistic để bàn giải pháp giảm chi phí, kết nối hiệu quả hệ thống hạ tầng giao thông trong quý I năm 2018.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo thực hiện hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 đã được phê duyệt. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương liên quan tập trung khắc phục hậu quả thiên tai, bão, lũ để sớm ổn định đời sống và khôi phục sản xuất của Nhân dân, không để người dân bị đói, không có chỗ ở. Khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 66/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật phòng, chống thiên tai, trình Chính phủ theo trình tự thủ tục rút gọn trong quý I năm 2018. Tăng cường kiểm tra, ngăn ngừa triệt để tình trạng khai thác, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng trái phép; chủ động giải pháp phòng, chống cháy rừng, nhất là vào mùa khô. Chuẩn bị tổ chức Hội nghị toàn quốc về phòng, chống thiên tai; Diễn đàn quốc tế về nông nghiệp hữu cơ. Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Ngoại giao, Quốc phòng, Thông tin và Truyền thông và các địa phương ven biển tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho ngư dân, quyết liệt triển khai các biện pháp ngăn ngừa tình trạng xâm phạm lãnh hải nước ngoài trái phép đánh bắt hải sản.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát, chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về giáo dục mầm non; chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan đề xuất cơ chế, chính sách về xây dựng cơ sở giáo dục mầm non trong khu công nghiệp, trong đó xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, đoàn thể và nhà đầu tư; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý I năm 2018.

- Bộ Khoa học và Công nghệ tập trung thực hiện các giải pháp phát triển thị trường khoa học và công nghệ, trong đó chú trọng xúc tiến chuyên giao, ứng dụng công nghệ cho các doanh nghiệp trong nước từ các nước tiên tiến trên thế giới. Đẩy mạnh đồn đốc thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg về năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện trong tháng 12 năm 2017.

- Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương tổ chức hiệu quả công tác kiểm tra an toàn thực phẩm, nhất là các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm an toàn thực phẩm và công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương và đoàn thể tăng cường kiểm tra, giám sát,

kiên quyết không để xảy ra tình trạng bạo hành trẻ em. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan chuẩn bị tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc của Chính phủ về giải pháp phòng, chống bạo hành trẻ em. Bộ Công an chỉ đạo lực lượng chức năng điều tra, xử lý nghiêm các hành vi bạo hành trẻ em.

- Bộ Văn hóa và Thể thao và Du lịch phối hợp với các địa phương thực hiện tốt Phong trào toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa. Khuyến khích, vận động Nhân dân tham gia, hưởng ứng xây dựng con người Việt Nam có lối sống, nếp sống văn hóa lành mạnh, tôn vinh, đề cao những phẩm chất tốt đẹp, cao thượng, nhân văn; đấu tranh phê phán, chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực, trái đạo lý.

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tiếp tục theo dõi sát tình hình, chủ động phương án ứng phó và kịp thời xử lý, ngăn chặn có hiệu quả các âm mưu và hoạt động chống phá, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

- Các bộ, cơ quan, địa phương tập trung chỉ đạo tăng cường công tác phòng, chống tội phạm; phòng, chống cháy nổ; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại trong dịp cuối năm và Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí cung cấp thông tin trung thực, kịp thời, khách quan về tình hình kinh tế - xã hội của đất nước; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, lợi dụng quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ. Khẩn trương thực hiện việc kiện toàn cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin theo quy định tại Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, theo hướng thống nhất giao cho đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin hiện có làm đầu mối tham mưu, quản lý về an toàn hệ thống thông tin, không để xảy ra tình trạng chông chéo nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ cần bám sát ba nội dung định hướng trọng tâm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ năm 2018 như đã được báo cáo trước Trung ương Đảng, Quốc hội; tập trung đánh giá thực trạng, phân tích kỹ nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế cũng như khó khăn, thách thức thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách để có giải pháp khắc phục; rà soát toàn bộ cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan; trên cơ sở đó đề ra những nhiệm vụ, giải pháp điều hành trọng tâm đối với từng ngành, từng lĩnh vực trong năm 2018, trong đó ưu tiên thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của các Nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội đã đề ra; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự thảo Nghị quyết về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2018. Quán triệt tinh thần chỉ đạo, điều hành năm 2018 hiệu quả hơn, toàn diện hơn và bền vững hơn, khắc phục ngay tình trạng trì trệ

trong chỉ đạo, điều hành. Từng bộ, ngành, địa phương lựa chọn một số mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phấn đấu hoàn thành trong năm 2018 để tạo chuyển biến rõ nét trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa bàn.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2018, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15 tháng 12 năm 2017.

- Các thành viên Chính phủ bằng hành động cụ thể trong chỉ đạo, điều hành, triển khai, thực hiện nghiêm túc các cam kết, lời hứa trước Quốc hội; tổ chức thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Quốc hội, nhất là kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, các kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2018 và kế hoạch đầu tư công trung hạn còn lại giai đoạn 2016 - 2020

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định:

- Việc bố trí kế hoạch đầu tư công năm 2018 đối với một số trường hợp đặc biệt: dự án khởi công mới hoàn thiện thủ tục đầu tư sau ngày 31 tháng 10 năm 2017; dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) đến ngày 30 tháng 9 năm 2017 giải ngân dưới 30% kế hoạch năm 2017 được giao đầu năm.

- Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 còn lại cho các bộ, ngành, địa phương.

3. Về dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 24/2017/QH14 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2021

Giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Ủy ban của Quốc hội và Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ, rà soát, xây dựng danh mục nhiệm vụ cụ thể, xác định rõ cơ quan chủ trì thực hiện và thời hạn hoàn thành; hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ký ban hành trong tháng 12 năm 2017.

4. Về dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập

Giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ký ban hành trong tháng 12 năm 2017.

5. Về các dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về: Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Công tác dân số trong tình hình mới

Giao Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ, hoàn thiện các dự thảo Nghị quyết trên, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ký ban hành trong tháng 12 năm 2017.

6. Về đề nghị xây dựng các dự án Luật sửa đổi, bổ sung các Luật liên quan đến đất đai, xây dựng, nhà ở, môi trường, đầu tư kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành và quy hoạch; đề xuất xây dựng các luật theo chỉ đạo của Trung ương Đảng và Đảng đoàn Quốc hội

Chính phủ yêu cầu:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ nghiêm túc khắc phục tình trạng chậm tiến độ vừa qua, chỉ đạo các đơn vị chuyên môn và pháp chế thuộc bộ, cơ quan căn cứ vào các yêu cầu, nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ, đẩy nhanh tiến độ rà soát, hoàn thành việc lập Đề nghị xây dựng các luật thuộc phạm vi quản lý, trong đó xác định rõ chính sách cần sửa đổi, bổ sung, gửi Bộ Tư pháp thẩm định trong tháng 12 năm 2017. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ đề cao trách nhiệm cá nhân, thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ lập Đề nghị sửa đổi các luật, báo cáo theo đúng yêu cầu của Chính phủ, không đề nghị lùi tiến độ; báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách lĩnh vực cho ý kiến chỉ đạo trong quá trình xây dựng dự án luật thuộc phạm vi quản lý. Đối với các luật mà bộ, cơ quan chưa đề nghị sửa đổi, cần báo cáo Chính phủ kết quả đánh giá, tổng kết việc thực thi và nêu rõ lý do chưa sửa đổi, bổ sung.

- Bộ Tư pháp thẩm định, tổng hợp các Đề nghị xây dựng luật của các bộ, cơ quan, báo cáo Chính phủ tại phiên họp thường kỳ tháng 12 năm 2017. Trên cơ sở đó, lập dự kiến điều chỉnh Chương trình năm 2018 và dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, trình Chính phủ thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 01 năm 2018 để sớm trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh và báo cáo Quốc hội khóa XIV tại kỳ họp thứ 5. Đồng thời, khẩn trương đánh giá, sơ kết việc thực hiện quy trình xây dựng pháp luật theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để đề nghị sửa đổi Luật này trong năm 2018, nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc soạn thảo, trình, chỉnh lý, thông qua các dự án luật, pháp lệnh hiện nay.

7. Về đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật quy hoạch đô thị; đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư

Chính phủ thông qua các chính sách trong Đề nghị xây dựng các dự án Luật nêu tại các Tờ trình số: 64/TTr-BXD ngày 30/11/2017 của Bộ Xây dựng và số 9880/TTr-BKHĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Giao Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, hoàn thiện các hồ sơ

đề nghị xây dựng luật, gửi Bộ Tư pháp đề lập Đề nghị điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 và dự kiến Chương trình năm 2019.

8. Về đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường

Chính phủ thông qua đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định nêu trên; giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định về hộ, hội, biểu, phường, trình Chính phủ xem xét trong năm 2018.

9. Về việc xử lý vướng mắc liên quan đến điều kiện tăng vốn điều lệ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP

Chính phủ thống nhất cho phép Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được đánh giá, xếp loại dựa trên đặc thù của Bảo hiểm tiền gửi để thực hiện tăng vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

10. Về việc hoàn thiện thủ tục đầu tư đối với các dự án khởi công mới được giao kế hoạch năm 2017

Chính phủ thống nhất cho phép các dự án khởi công mới được giao kế hoạch năm 2017 hoàn thiện thủ tục đầu tư đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2017.

Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xác định rõ nguyên nhân, kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017 để không lặp lại tình trạng này trong năm kế hoạch 2018.

11. Về thời gian cấp và có hiệu lực của số lưu hành đối với thiết bị y tế

Chính phủ thống nhất cho phép lùi thời gian cấp và có hiệu lực của số lưu hành đối với thiết bị y tế loại B, C, D đến ngày 01 tháng 01 năm 2019 theo đề nghị của Bộ Y tế. Giao Bộ Y tế trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 trong quý III năm 2018.

12. Về việc thực hiện chế độ, chính sách tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh Thanh Hóa

Chính phủ thống nhất với đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc kéo dài thời gian thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ, ưu đãi xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đối với 02 phường Quảng Cư và Quảng Vinh thuộc thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến hết năm 2017.

Giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, sửa đổi quy định liên quan theo hướng đối với những xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chuyển thành phường thì không thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội có hiệu lực.

13. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao 11 tháng và kết quả kiểm tra của Tổ công tác tháng 11 năm 2017

Giao Tổ công tác thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương; tiếp tục tập

trung kiểm tra việc triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận và ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cổ phần hóa, Chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính...

Các bộ, cơ quan, địa phương khẩn trương rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa hoặc xem xét bãi bỏ các điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình; công bố phương án cắt giảm, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch cho người dân và doanh nghiệp.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trực tiếp chỉ đạo hoàn thiện, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, bảo đảm có hiệu lực đồng bộ với các Luật sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

14. Về dự thảo Nghị định ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ, khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ký ban hành trong tháng 12 năm 2017.

15. Về Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chiến lược và Quy hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2011- 2020

Chính phủ yêu cầu:

- Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục quan tâm thực hiện các nội dung của Chiến lược và Quy hoạch đã đề ra; điều phối giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến phát triển nhân lực; thiết lập hệ thống thông tin, dự báo về cung cầu nhân lực quốc gia trên nền tảng tích hợp với dự án đầu tư phát triển mạng thông tin việc làm.

- Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước, chịu trách nhiệm quản lý tổng thể về phát triển nguồn nhân lực quốc gia; chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan đánh giá, phân tích kỹ những tồn tại, hạn chế, xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan và cả thách thức trong quá trình thực hiện Chiến lược và Quy hoạch phát triển nhân lực, nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Trên cơ sở đó, định hướng tham mưu Chính phủ những nhiệm vụ, giải pháp phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thị trường; cụ thể hóa nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương để triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược và Quy hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2011 - 2020.

16. Về dự thảo Đề án cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 và một số định hướng đến năm 2025

Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ, hoàn thiện Đề án, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ký ban hành trong tháng 12 năm 2017.

17. Về việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định số: 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015; số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ

Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ, hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình Chính phủ theo quy định trong tháng 12 năm 2017.

18. Về quản lý các nguồn vốn của Tổng công ty công nghiệp tàu thủy (SBIC)

Chính phủ cơ bản thống nhất với Báo cáo của Bộ Tài chính về quản lý các nguồn vốn của SBIC. Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về việc quản lý tập trung các nguồn vốn của SBIC, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ký ban hành trong tháng 12 năm 2017.

19. Về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương liên quan đánh giá kỹ tác động của việc áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công, trình Chính phủ xem xét, quyết định.

20. Về dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về triển khai Luật quy hoạch

Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi xin ý kiến các bộ, cơ quan, địa phương về nội dung dự thảo Nghị quyết; phối hợp với Văn phòng Chính phủ gửi xin ý kiến thành viên Chính phủ, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành trong tháng 12 năm 2017./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN; Trợ lý, Thư ký TTg, PTTg; các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo, TGĐ Công TTĐT CP;
- Lưu: Văn thư, TH (2b).B 104

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/BXD-PC

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2019

V/v sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch đô thị

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung pháp luật nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, Bộ Xây dựng đã nghiên cứu, đề xuất xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch đô thị, trình Chính phủ tại Tờ trình số 08/TTr-BXD ngày 09/3/2018, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Tờ trình số 102/TTr-CP ngày 05/4/2018. Theo Thông báo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 23 (tháng 4/2018) số 1691/TB-TTKQH ngày 20/4/2018 thì dự án Luật này được tách thành 02 nội dung: các nội dung sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Quy hoạch được gộp với nội dung sửa đổi, bổ sung các luật do Bộ Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối chuẩn bị; các nội dung sửa đổi, bổ sung để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh sẽ xem xét, thông qua tại 02 kỳ họp của Quốc hội.

Tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 25/8/2018 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách liên quan đến đầu tư xây dựng, Bộ Xây dựng được giao tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung các Luật: Xây dựng, Nhà ở, Kinh doanh bất động sản và Quy hoạch đô thị để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, thực hiện cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 7.

Bộ Xây dựng kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

- Các nội dung sửa đổi, bổ sung liên quan đến quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị tại Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị đã được Quốc hội thông qua tại Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch.

- Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Nhà ở: Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa XII số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018, Kế hoạch số 10-KH/TW ngày 06/6/2018 của Bộ Chính trị, văn bản số 302/UBTVQH14-PL của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 6099/VPCP-PL ngày 28/6/2018 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Xây dựng được giao chủ trì đề xuất, sửa đổi, bổ sung Luật Nhà ở để thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa XII về chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức; hoàn thành

trong năm 2019. Ngày 24/10/2018, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 2655/BXD-PC báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý (văn bản số 10531/VPCP-PL ngày 30/10/2018) lùi thời hạn trình đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Nhà ở về chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức đồng thời với sửa đổi, bổ sung các nội dung khác sau khi Bộ Chính trị thông qua Đề án nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị và ban hành Nghị quyết về vấn đề này.

- Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bất động sản: Đây là những nội dung liên quan đến bãi bỏ một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Do vậy, Bộ Xây dựng đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bất động sản lồng ghép tại dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng (ngoài những nội dung sửa đổi, bổ sung liên quan đến quy hoạch xây dựng): Đây là những nội dung sửa đổi, bổ sung nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo các chính sách đã được Chính phủ thông qua đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch đô thị tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/12/2017.

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Xây dựng kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép:

- Xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8; thay vì xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch đô thị, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 như dự kiến trước đây.

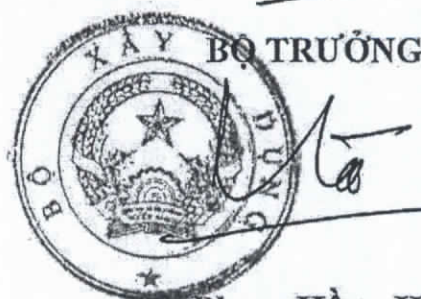
- Hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng trên cơ sở các chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/12/2017; gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019.

(Bộ Xây dựng xin gửi kèm theo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng đã được hoàn thiện).

Bộ Xây dựng kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ. *PH*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC (02).



Phạm Hồng Hà

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 599 /VPCP-PL

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2019

V/v sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch đô thị

Kính gửi:

- Bộ Xây dựng;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.



Đề nghị
- đề nghị
Đinh
25/01/2019 Xét đề nghị của Bộ Xây dựng tại Công văn số 32/BXD-PC ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch đô thị, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Đồng ý với kiến nghị của Bộ Xây dựng tại Công văn nêu trên. Giao Bộ Xây dựng:

- Hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019;

- Hoàn thiện dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, trình Chính phủ vào tháng 7/2019 và trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa 14.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, khẩn trương phối hợp với Bộ Xây dựng đưa các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xây dựng vào dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp để tháo gỡ vướng mắc, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để các cơ quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP (để b/c);
- PTTg Trịnh Đình Dũng (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Duy Hưng, các Vụ: CN, QHĐP;
- Lưu: VT, PL(2), Th. 08

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM



Nguyễn Duy Hưng

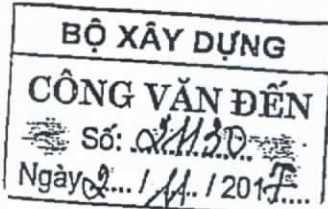
B/0 BT.
Q/ta chuyên Vy PC
BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5737/BNV-PC

V/v tham gia ý kiến hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Quy hoạch đô thị

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2017



Kính gửi: Bộ Xây dựng

6/11
Ưt
Trả lời văn bản số 2554/BXD-PC ngày 27/10/2017 của Bộ Xây dựng đề nghị tham gia ý kiến hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Quy hoạch đô thị; sau khi nghiên cứu, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

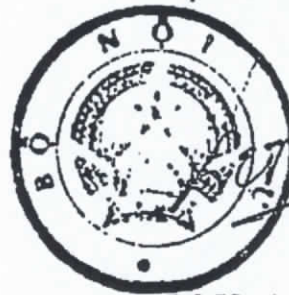
Nhất trí với Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật nói trên do Bộ Xây dựng chuẩn bị.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ gửi Bộ Xây dựng để tổng hợp, trình Chính phủ xem xét, quyết định. / nư

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng (để biết);
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG



Lê Vĩnh Tân

Số: 9887 /BKHDĐT-KCHTĐT
V/v ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh
doanh bất động sản, Luật Quy hoạch đô
thị

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2017

BỘ XÂY DỰNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 2336.../...
Ngày: 4.../12/2017

Kính gửi : Bộ Xây dựng

Phúc đáp công văn số 2554/BXD-PC của Bộ Xây dựng ngày 27/10/2017 về việc lấy ý kiến góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Quy hoạch đô thị, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Quy hoạch đô thị về cơ bản phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Tuy nhiên, để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan, đề nghị xem xét bổ sung, sửa đổi những nội dung sau.

1. Luật Xây dựng:

- Đối với khái niệm chủ đầu tư: Đề nghị xem xét sửa đổi Điểm c Khoản 2 Điều 7 Luật Xây dựng như sau: “*Đối với dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng dự án, hợp đồng đối tác công tư, chủ đầu tư là doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thỏa thuận thành lập theo quy định của pháp luật hoặc là nhà đầu tư (trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án)*”.

- Về thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 82 Luật Xây dựng theo hướng riêng đối với dự án BT, việc thẩm định, phê duyệt thiết kế dự toán thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

- Về giám sát thực hiện dự án: Tại Điểm e, Khoản 2 Điều 68 Luật Xây dựng, đề nghị sửa đổi theo hướng: “Đối với dự án BT, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc giám sát quá trình thi công xây dựng công trình theo yêu cầu tại hợp đồng dự án”.

- Về quy định cấp phép thầu cho nhà thầu nước ngoài:

Đề nghị bổ quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Xây dựng quy định nhà thầu là tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam phải được cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng cấp giấy phép hoạt động vì những lý do như sau:

(1) Khi nhà thầu nước ngoài tham dự thầu gói thầu sử dụng vốn Nhà nước tại Việt Nam và được công nhận trúng thầu thì đã được đánh giá đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật. Thông qua việc đánh giá của tổ chuyên gia và quá trình thẩm định, phê duyệt của chủ đầu tư thì nhà thầu trúng

thầu hoàn toàn có đủ điều kiện để thi công gói thầu. Sau khi được công nhận trúng thầu và ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nhà thầu có trách nhiệm thi công công trình theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, việc cấp phép cho nhà thầu nước ngoài trong trường hợp này là không cần thiết, làm phát sinh thủ tục hành chính, gây khó khăn cho nhà thầu;

(2) Việc cấp phép thầu đơn thuần chỉ mang tính chất thủ tục hành chính, làm phát sinh chi phí, dễ dẫn đến cơ chế "xin - cho" và nhà thầu sẽ phân bổ các chi phí này vào giá dự thầu, làm giá dự thầu tăng, gây lãng phí;

(3) Việc cấp phép thầu chỉ mang tính hình thức vì sau khi ký hợp đồng, nếu nhà thầu không vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng thì việc không cho nhà thầu thực hiện hợp đồng thông qua việc không cấp phép là không phù hợp.

2. Luật Nhà ở: Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 1 Điều 114 theo hướng "UBND cấp tỉnh lựa chọn chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu trong trường hợp quá 12 tháng mà các chủ sở hữu không thực hiện lựa chọn chủ đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư".

3. Về kiến nghị sửa đổi Luật số 03/2016/QH14: Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến đề xuất xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp trong đó có nội dung sửa đổi danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Do vậy, đề nghị không quy định nội dung sửa đổi Luật số 03/2016/QH14 tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng mà sẽ quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp.

4. Ngày 24/11/2017, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Quy hoạch. Do vậy, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và thuận tiện trong hướng dẫn thực hiện, đề nghị Bộ Xây dựng nghiên cứu, rà soát nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật quy hoạch đô thị phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch.

Đề nghị Bộ Xây dựng tổng hợp, hoàn thiện các nội dung dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Quy hoạch đô thị. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP;
- Bộ Tư pháp;
- Các Vụ GSTĐ, QLQH, PC;
- Cục QLĐT;
- Lưu: VT, Vụ KCHTĐT (Tg 9b).



Nguyễn Thế Phương

B/0

BT Hưng

Vụ PC

Cục HTXD, Cục KTXD, Cục AN, VP.

/k₁ /k₂

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15673/BTC-PC

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2017

V/v tham gia ý kiến hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động

Vụ PC tổng hợp, b/c Bộ Tài chính

22/11

BỘ XÂY DỰNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 2554
Ngày 20/11/2017

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Trả lời Công văn số 2554/BXD-PC ngày 27/10/2017 của Bộ Xây dựng về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Quy hoạch đô thị, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về đánh giá nguồn tài chính

Theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì: " ... Bộ Tài chính có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá về nguồn tài chính... "

Tuy nhiên, tại Tờ trình đề nghị xây dựng Luật, Báo cáo đánh giá tác động của chính sách cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật chưa có đánh giá cụ thể về "dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành luật, pháp lệnh sau khi được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua", mà chỉ nêu chung chung "Các nội dung của dự án Luật này chủ yếu sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến TTHC theo hướng bỏ một số thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa một số giấy tờ, thủ tục và sửa đổi, bổ sung một số quy định của các Luật để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, Do vậy để đảm bảo triển khai thi hành Luật sau khi được thông qua về cơ bản, các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn sử dụng nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện hành".

Do đó, để có cơ sở Bộ Tài chính có ý kiến cụ thể về nguồn lực tài chính, đề nghị cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật cần có đánh giá cụ thể về nguồn lực tài chính và điều kiện đảm bảo; đặc biệt, đánh giá tác động của việc cắt giảm thủ tục hành chính đến việc giảm chi ngân sách nhà nước.

2. Về nội dung tham gia cụ thể đối với chính sách dự kiến sửa đổi, bổ sung

a) Ý kiến tham gia chung

Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được Chính phủ giao chủ trì xây dựng dự thảo Luật Quy hoạch. Vì vậy, đề nghị Bộ Xây dựng phối hợp, làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát các nội dung liên quan đến quy định tại Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật nhà ở và Luật Quy hoạch (dự kiến thông qua tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV) để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

b) Về sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng

- Về thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình:

Quy định chi tiết Luật Xây dựng tại các Điều 26,27,28,29 và 30 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng đã quy định cụ thể về thẩm quyền, nội dung, hồ sơ và quy trình thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình; cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

Các quy định này là một trong những điều mới của Luật Xây dựng và liên quan đến việc nâng cao năng lực cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành. Tuy nhiên, theo ý kiến của các Chủ đầu tư, do số lượng dự án đầu tư xây dựng hàng năm tại các Bộ, ngành và địa phương lớn, trong khi lực lượng cán bộ của cơ quan chuyên môn tại các bộ, ngành và địa phương là có hạn, vì vậy đã làm chậm tiến độ thẩm định thiết kế, dự toán ảnh hưởng trực tiếp đến việc giải ngân vốn đầu tư (dự án cấp I, cấp đặc biệt theo quy định thời gian thẩm định là 40 ngày, tuy nhiên thực tế 1 năm mới thẩm định xong dự án).

Bộ Tài chính đề nghị Bộ Xây dựng phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương rà soát trình Chính phủ nội dung sửa đổi Luật Xây dựng theo hướng phân cấp thẩm quyền thẩm định dự án; thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng cho cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ thẩm định thiết kế cơ sở). Ngoài ra cần nghiên cứu quy định cho phù hợp với các trường hợp dự án sử dụng nguồn vốn hỗn hợp, các dự án PPP có vốn ngân sách nhà nước tham gia để rút ngắn được thời gian xem xét thẩm định dự án đầu tư và nâng cao trách nhiệm của người quyết định đầu tư trong việc xem xét phê duyệt dự án đầu tư; tạo sự thông thoáng, thuận lợi trong việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, góp phần tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước cũng như tạo sự chủ động cho các chủ thể khi thực hiện.

- Về tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng:

Tại Điều 62 Luật Xây dựng, hình thức quản lý dự án có một số thay đổi. Nghị định 59/2015/NĐ-CP đã có các Điều 16, 17, 18 và 19 quy định chi tiết. Tuy nhiên, một số Bộ, ngành và địa phương còn nhiều vướng mắc trong vấn đề chuyển đổi mô hình quản lý dự án theo quy định của Luật Xây dựng nêu trên, đặc biệt là đối với các dự án khởi công mới, ảnh hưởng không nhỏ đến việc giải ngân vốn đầu tư.

Do đó, đề nghị Bộ Xây dựng tổ chức khảo sát, đánh giá về thực trạng Ban quản lý dự án tại các Bộ, ngành và địa phương từ đó đưa ra những quy định phù hợp đối với Ban quản lý dự án trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Về quy định điều kiện năng lực hoạt động xây dựng tại Điều 148 Luật Xây dựng:

Việc yêu cầu bắt buộc các doanh nghiệp xây dựng khi tham gia đấu thầu phải có chứng chỉ cấp phép do Bộ Xây dựng và các Sở XD chuyên ngành cấp cho

phép hoạt động là tạo giấy phép con, gây khó khăn cho các doanh nghiệp khi hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Đề nghị Bộ Xây dựng nghiên cứu bãi bỏ hoặc chỉ cập nhật thông tin trên Website để các Chủ đầu tư được tự quyết định lựa chọn và để các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng hoạt động theo cơ chế thị trường và Luật Doanh nghiệp.

c) Về sửa đổi, bổ sung Luật Nhà ở số 65/2014/QH13

Bộ Xây dựng đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 23 của Luật Nhà ở theo hướng: *Bổ sung việc sử dụng các loại đất khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sang làm đất ở cũng được thực hiện chỉ định chủ đầu tư thay vì cho phép thực hiện chỉ định chủ đầu tư khi có quyền sử dụng đất ở như hiện nay.*

Tại khoản 1 Điều 23 Luật Nhà ở năm 2014 quy định về hình thức sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại: *Sử dụng diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng hợp pháp để xây dựng nhà ở thương mại.*

Về vấn đề này, đề nghị Bộ Xây dựng nghiên cứu sửa đổi khoản 1 Điều 23 Luật Nhà ở năm 2014 quy định về hình thức sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại theo hướng: *Sử dụng diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp phù hợp với quy định xây dựng nhà ở, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để xây dựng nhà ở thương mại.*

d) Về việc bãi bỏ ngành nghề kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư và quy định về điều kiện của đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư (khoản 2 Điều 105 Luật Nhà ở). Đồng thời, bãi bỏ ngành, nghề này tại mục số 119 của Danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện tại Luật Đầu tư số 03/2016/QH14

Về vấn đề này, hiện nay công tác quản lý vận hành nhà chung cư còn nhiều bất cập liên quan đến năng lực của đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư và việc chưa đầy đủ về mặt pháp lý để quản lý công tác này dẫn đến còn nhiều tranh chấp giữa cư dân và đơn vị quản lý, vận hành. Trong xu thế đầu tư, xây dựng nhà chung cư ngày càng nhiều thì việc đòi hỏi trình độ, khả năng của đơn vị quản lý, vận hành nhà chung cư ngày càng cao; vì vậy, đề nghị Bộ Xây dựng cân nhắc khi đề xuất bỏ điều kiện này.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính, đề nghị Bộ Xây dựng nghiên cứu hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật. / *MM*

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Vụ DT; Cục QLCS;
- Cục TCDN;
- Lưu: VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

B/c *Thuy* *V4PC*
Đ/n chuyển:

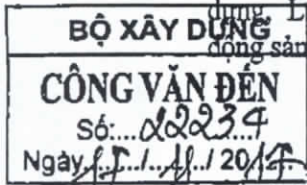
BỘ NGOẠI GIAO

Số: 4714 /BNG-LPQT

10/11/2017
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v góp ý dự thảo đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật quy hoạch đô thị.

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2017



Kính gửi: Bộ Xây dựng

Phúc Công văn số 2554/BXD-PC ngày 27/10/2017 của Quý Bộ đề nghị góp ý vào dự thảo đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật quy hoạch đô thị, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

1. Bộ Ngoại giao nhất trí với sự cần thiết xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Luật trên nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng giảm bớt điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các hoạt động đầu tư xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, tạo thuận lợi, minh bạch, bình đẳng cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về quy hoạch, đầu tư, kinh doanh.

2. Về dự thảo Tờ trình:

- Tại phần IV chính sách 1, đề nghị Quý Bộ giải trình thêm về sự cần thiết phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, do các công trình này có thể có phạm vi thực hiện trên nhiều tỉnh, địa phương khác nhau (như đối với công trình hầm, đường sắt, cao tốc...).

- Bổ sung nội dung đánh giá tính tương thích của dự thảo Nghị định đối với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, trong đó nêu: các cam kết quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong lĩnh vực có liên quan đến nội dung chính sách và tính tương thích của nội dung chính sách với các cam kết quốc tế, điều ước quốc tế đó.

3. Về đề cương dự thảo các Luật:

Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu, kiến nghị theo phương án 2 để nội dung sửa đổi này tại dự thảo Luật Đấu thầu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo.

Bộ Ngoại giao xin trao đổi để Quý Bộ tham khảo, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QTTV; Ban QLDA;
- Lưu: HC, LPQT. VT07.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đặng Đình Quý

BÁO CÁO**Tổng kết việc thi hành Luật Xây dựng**

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành, địa phương cũng như kết quả theo dõi tình hình thi hành Luật Xây dựng, Bộ Xây dựng xây dựng Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Xây dựng với nội dung cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**1. Đánh giá chung**

Luật Xây dựng năm 2014 đã được Quốc hội khóa 13 thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 18/6/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015. Luật này đã có nhiều nội dung đổi mới căn bản, mang tính đột phá về quản lý đầu tư xây dựng, cụ thể là: (1) Phân biệt rõ các dự án đầu tư xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác thì có phương thức quản lý khác nhau; (2) Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, đặc biệt là việc kiểm soát, quản lý chất lượng và chi phí xây dựng ở tất cả các khâu của quá trình đầu tư xây dựng; (3) Đổi mới mô hình quản lý dự án theo hướng chuyên nghiệp hóa...

Để hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng, Chính phủ, các Bộ, ngành đã ban hành 30 văn bản quy định chi tiết, cơ bản đã đủ công cụ điều tiết hoạt động đầu tư xây dựng, đã thể hiện phân cấp mạnh hơn, làm rõ hơn trách nhiệm của các cấp, các ngành và các chủ thể. Kể từ khi Luật Xây dựng và các văn bản quy định chi tiết được ban hành đã giảm, lồng ghép được 6 thủ tục so với quy định tại Luật Xây dựng năm 2003, cụ thể là:

(i) Thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 của dự án:

Quy định thời gian thẩm định quy hoạch giảm từ 30 ngày xuống 25 ngày làm việc (giảm 5 ngày); thời gian phê duyệt quy hoạch không quá 15 ngày làm việc.

(ii) Thủ tục cấp giấy phép quy hoạch/chấp thuận bổ sung quy hoạch khi chưa có quy hoạch:

Quy định việc cấp giấy phép quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận bổ sung quy hoạch chỉ áp dụng đối với dự án chưa có trong quy hoạch ngành, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị được phê duyệt, để tạo thuận lợi và rút ngắn thời gian chuẩn bị dự án cho chủ đầu tư. Những khu vực đã có quy

hoạch ngành, quy hoạch chi tiết được phê duyệt thì không yêu cầu phải xin cấp giấy phép quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận bổ sung quy hoạch. Đồng thời, Luật Xây dựng 2014 đã *bỏ thủ tục thỏa thuận kiến trúc quy hoạch và thủ tục cấp chứng chỉ quy hoạch* được quy định tại Luật Xây dựng năm 2003; giảm thời gian thực hiện các thủ tục này là 40 ngày.

(iii) Thủ tục thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở:

Quy định khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định dự án, *cơ quan đầu mối thẩm định dự án có trách nhiệm tổ chức thẩm định và đồng thời lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan theo cơ chế một cửa liên thông, không gửi nhiều đầu mối và thực hiện riêng từng thủ tục như trước đây*. Theo đó, các thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, thỏa thuận về cấp điện, cấp nước... được thực hiện đồng thời với quá trình thẩm định dự án, nên đã lồng ghép được tối thiểu 4 thủ tục và giảm thời gian thực hiện là 45 ngày.

(iv) Thủ tục thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình:

Quy định cụ thể về hồ sơ, nội dung, thẩm quyền và thời hạn thẩm định phù hợp với từng loại, cấp công trình và nguồn vốn sử dụng. Quy định rõ cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan về môi trường, phòng, chống cháy, nổ và các nội dung khác theo cơ chế một cửa liên thông, qua đó rút ngắn thời gian thực hiện. Đồng thời, đã cắt giảm thủ tục thẩm định thiết kế, dự toán công trình lưới điện trung áp (giao cho người quyết định đầu tư thực hiện) nhằm tăng khả năng tiếp cận điện năng.

(v) Thủ tục cấp giấy phép xây dựng:

Đã mở rộng đối tượng công trình được miễn giấy phép xây dựng, quy định về các trường hợp cấp giấy phép theo giai đoạn, cấp giấy phép cho nhóm công trình thay vì cấp giấy phép xây dựng cho từng công trình như trước đây. Quy định cụ thể quy trình cấp giấy phép xây dựng, thời gian cho ý kiến (10 ngày) và trách nhiệm của các cơ quan liên quan. Thời gian cấp giấy phép không quá 30 ngày đối với công trình xây dựng, 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ.

(vi) Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng:

Giảm thời gian thực hiện thủ tục giảm từ 30 ngày xuống 15 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I; từ 30 hoặc 15 ngày xuống còn 10 ngày đối với công trình cấp II, III, IV, đồng thời đơn giản hóa về quy trình, nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu. Đồng thời, đã cắt giảm thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình lưới điện trung áp (giao cho người quyết định đầu tư thực hiện).

Như vậy, với việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính nêu trên, tổng thời gian thực hiện các thủ tục này đã giảm từ 65-70 ngày, tùy từng dự án; trường hợp nếu dự án nằm trong những khu vực đã có quy hoạch ngành, quy hoạch chi

tiết được phê duyệt thì có thể giảm thêm 40 ngày (do đã bỏ thủ tục thỏa thuận kiến trúc quy hoạch và thủ tục cấp chứng chỉ quy hoạch).

Với kết quả này, có thể nói rằng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; là cơ sở pháp lý hết sức quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho các chủ thể trong xã hội; góp phần nâng cao chất lượng công trình, chống thất thoát lãng phí trong đầu tư xây dựng; tạo động lực thúc đẩy các hoạt động đầu tư xây dựng, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Cùng với việc hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, công tác phổ biến pháp luật cũng được triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục, bảo đảm các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng được tuyên truyền, phổ biến kịp thời cho các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến, đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử; tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua báo, tạp chí. Nội dung tuyên truyền, phổ biến được định hướng rõ ràng, bám sát các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị, gắn với thực tiễn thi hành pháp luật qua đó góp phần nâng cao ý thức, niềm tin pháp luật, đề cao quyền cũng như trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi cá nhân trong học tập, tìm hiểu pháp luật và tự giác chấp hành pháp luật.

2. Về cấp giấy phép xây dựng

Công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP đã được quan tâm, đẩy mạnh. Công tác cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng đã nề nếp hơn, vi phạm trật tự xây dựng giảm đáng kể.

- Năm 2015: đã thực hiện tiếp nhận và cấp giấy phép cho 184.182 công trình (trong đó có 5.690 công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014); số công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng đã giảm đáng kể, còn khoảng 3,70% so với công trình được xây dựng, giảm khoảng 4,3% so với năm 2014; số công trình xây dựng sai với giấy phép được cấp cũng giảm đáng kể, còn khoảng 1,11% giảm 1,00% so với năm 2014;

- Năm 2016: theo báo cáo của 37/63 địa phương, đã tiếp nhận, xử lý và thực hiện cấp giấy phép xây dựng đối với 130.946 công trình (trong đó có 4.068 công trình được miễn giấy phép theo quy định của Luật Xây dựng 2014); số công trình xây dựng không phép còn khoảng 4,8% so với tổng số công trình xây dựng; số công trình xây dựng sai với giấy phép được cấp còn khoảng 2,8%.

- Năm 2017: theo báo cáo của Thanh tra Sở xây dựng tại 59/63 địa phương thì số công trình sai phép giảm 5,1%; công trình không phép giảm 1,85% so với năm 2016.

- Năm 2018: theo báo cáo của 29 Sở Xây dựng thì có 6168 công trình khởi công mới trên địa bàn với tổng mức đầu tư (hoặc dự toán) là 56.564 tỷ đồng; tổng số giấy phép xây dựng được cấp 65.116; đã kiểm tra, thanh tra về trật tự xây dựng 4.016 công trình (trong đó công trình không phép 1.732 công trình, sai phép 1.517 công trình, vi phạm khác 767 công trình).

Các địa phương đã cơ bản chấp hành các quy định về thời gian và trình tự thực hiện thủ tục hành chính trong cấp giấy phép xây dựng. Theo quy định của Luật Xây dựng thì thời gian cấp giấy phép xây dựng của công trình là không quá 30 ngày, nhà ở riêng lẻ là không quá 15 ngày. Trên thực tế, theo báo cáo của một số địa phương tại các buổi làm việc với đoàn công tác của Bộ Xây dựng thì thời gian thực hiện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình chỉ từ 15 đến 20 ngày (điển hình như Bình Dương, Cần Thơ là 15 ngày; Vĩnh Long, Long An, Đà Nẵng là 15 đến 20 ngày).

Công tác cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng được tăng cường thực hiện, các thủ tục hành chính trong cấp phép xây dựng được thực hiện công khai minh bạch, trách nhiệm của các chủ thể liên quan đã được quy định rõ hơn.

3. Về thẩm định dự án, thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng

Luật Xây dựng năm 2014 và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP đã quy định về nguyên tắc để đảm bảo chất lượng công trình xây dựng thì cần phải thực hiện quản lý ở tất cả các giai đoạn, quy định rõ vai trò của cơ quan chuyên môn về xây dựng. Triển khai quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP đã quy định chi tiết về phân cấp thẩm quyền, quy trình thực hiện thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế và dự toán xây dựng; đảm bảo minh bạch, phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác này.

Sau hơn bốn năm thi hành Luật Xây dựng và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, công tác thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế và dự toán xây dựng công trình đã đi vào nề nếp, quá trình thẩm định (đặc biệt là đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước, các công trình quy mô lớn, phức tạp có ảnh hưởng lớn đến an toàn của cộng đồng), cơ quan chuyên môn về xây dựng đã phát hiện ra nhiều rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra trong quá trình thực hiện dự án về chất lượng và an toàn công trình, hạn chế thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Năm 2015, theo số liệu thống kê tại Bộ Xây dựng và của 20 địa phương: Tổng số dự án dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước được Bộ Xây dựng và các địa phương thẩm định là 1.204 dự án với tổng mức đầu tư trước khi thẩm định là 49.631 tỷ đồng; giá trị tổng mức đầu tư sau khi thẩm định là 48.736 tỷ đồng; giá trị cắt giảm tổng mức đầu tư là 895 tỷ tương đương với 1,8%; Tổng số các công trình phải thẩm định thiết kế, dự toán là 4.587 công trình, theo đó: Tổng giá trị

dự toán trước thẩm định khoảng 31.562 tỷ đồng, giá trị cắt giảm sau khi thẩm định là 1.585 tỷ đồng (tương đương 5,02%); Tỷ lệ hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung thiết kế do Bộ Xây dựng thẩm định khoảng 17,5%, do các địa phương thẩm định khoảng 26,4%.

Năm 2016, theo báo cáo của 26 địa phương và số liệu tại Bộ Xây dựng, các cơ quan chuyên môn về xây dựng đã thẩm định 1.369 dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước với tổng mức đầu tư trước khi thẩm định là 66.393,861 tỷ đồng, giá trị tổng mức đầu tư sau khi thẩm định là 65.750,071 tỷ đồng; giá trị cắt giảm tổng mức đầu tư là 642,790 tỷ đồng (tương đương với 0,97%); đã thẩm định, thiết kế, dự toán của 9.129 công trình và tổng giá trị dự toán trước thẩm định là 163.509,626 tỷ đồng, giá trị cắt giảm sau khi thẩm định là 9.589,627 tỷ đồng (tương đương với 5,87%); tỷ lệ hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung thiết kế do Bộ Xây dựng thẩm định khoảng 3,47%, do các địa phương thẩm định khoảng 35,96%.

Năm 2017, theo báo cáo của 25 địa phương và số liệu tại Bộ Xây dựng, các cơ quan chuyên môn về xây dựng đã thẩm định 1.604 dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước với tổng mức đầu tư trước khi thẩm định là 170.170.030 tỷ đồng, giá trị tổng mức đầu tư sau khi thẩm định là 163.920.158 tỷ đồng, giá trị cắt giảm tổng mức đầu tư là 6.249.872 tỷ đồng (tương đương 3,67%); đã thẩm định thiết kế cơ sở của 1.597 công trình; đã thẩm định thiết kế, dự toán (bao gồm thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (nếu có) và báo cáo kinh tế - kỹ thuật) của 14.488 công trình với tổng giá trị dự toán trước thẩm định là 255.947.815 tỷ đồng, giá trị cắt giảm sau thẩm định là 265.676.242 tỷ đồng, giá trị tăng sau khi thẩm định là 9.728.427 tỷ đồng (tương đương 3,8%); tỷ lệ hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung thiết kế do Bộ Xây dựng thẩm định khoảng 20%, do các địa phương thẩm định khoảng 34,2%.

Năm 2018: tại Bộ Xây dựng: tỷ lệ hồ sơ phải trả lại để sửa đổi bổ sung thiết kế chiếm 0,4% tổng số hồ sơ đề nghị thẩm định; Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau khi thẩm định tổng mức đầu tư là 4,38%, dự toán là 2,59%. Tại các Sở Xây dựng: tỷ lệ cắt giảm chi phí sau khi thẩm định tổng mức đầu tư là 1,29%, dự toán là 3,91%.

Trong thời gian qua, Bộ Xây dựng đã tập trung hướng dẫn các địa phương, các Bộ, ngành liên quan thực hiện đổi mới và tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát trong đầu tư xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và các luật có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng.

4. Về mô hình Ban quản lý dự án

Thực hiện quy định tại các Điều 62, 63, 64, 65 của Luật Xây dựng năm 2014, Chính phủ có hướng dẫn thực hiện tại Mục 2, Chương II Nghị định 59/2015/NĐ-CP, theo đó quy định về nguyên tắc các Bộ, ngành, địa phương,

Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước thành lập các Ban Quản lý dự án chuyên ngành, khu vực để giao làm chủ đầu tư, đồng thời thực hiện chức năng quản lý dự án; trường hợp không đủ điều kiện thành lập Ban Quản lý dự án chuyên ngành, khu vực thì có thể giao cho đơn vị quản lý sử dụng vốn làm chủ đầu tư; công trình thuộc dự án do Ủy ban nhân dân xã quyết định đầu tư thì Ủy ban nhân dân xã làm chủ đầu tư (vì cấp xã không thành lập ban Quản lý dự án chuyên ngành, khu vực); đối với các dự án quy mô nhóm A có công trình cấp đặc biệt hoặc công nghệ cao thì áp dụng mô hình Ban Quản lý dự án một dự án; đối với dự án quy mô nhỏ (dưới 5 tỷ), dự án do Ủy ban nhân dân làm chủ đầu tư dưới 2 tỷ thì được sử dụng bộ máy chuyên môn kiêm nhiệm quản lý dự án. Đồng thời các ban quản lý dự án hoặc trường hợp kiêm nhiệm quản lý dự án thì các đơn vị này vẫn được thuê tư vấn để thực hiện một số phần việc mà mình không đủ năng lực thực hiện. Đối với một số cơ quan ở trung ương không đủ điều kiện thành lập Ban Quản lý dự án chuyên ngành, khu vực, tại Nghị định 42/2017/NĐ-CP đã quy định về ủy thác quản lý dự án cũng như mở rộng đối tượng Chủ đầu tư được trực tiếp quản lý dự án hoặc thuê tổ chức, cá nhân thực hiện đối với các dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ. Các quy định này đã phần nào tháo gỡ các vấn đề bất cập khi triển khai thực hiện công tác quản lý dự án theo Luật Xây dựng năm 2014.

5. Về cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực

Các thông tin năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng đã từng bước được thực hiện minh bạch, công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền. Phần mềm để phục vụ công tác sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng đã hoạt động ổn định.

Trong năm 2017, Bộ Xây dựng đã tiếp nhận hồ sơ và thực hiện cấp 1.664 chứng chỉ năng lực hạng I, 6.104 chứng chỉ hành nghề hạng I; các Sở Xây dựng cấp 6.513 chứng chỉ năng lực hạng II, III và 9.957 chứng chỉ hành nghề hạng II, III. Năm 2018, Bộ Xây dựng tổ chức xét, cấp 1.376 chứng chỉ năng lực hạng I, 5.708 chứng chỉ hành nghề hạng I, 134 giấy phép cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng hoạt động xây dựng tại Việt Nam nhận thầu các gói thầu dự án nhóm A; các Sở Xây dựng cấp 11.850 chứng chỉ năng lực hạng II, III; các Sở Xây dựng, Hiệp hội nghề nghiệp cấp 61.390 chứng chỉ hành nghề hạng II, III.

Bên cạnh đó, Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng đã bãi bỏ 89 điều kiện (41,3%); đơn giản hóa 94 điều kiện (43,7%); giữ nguyên 32 điều kiện (15%) trên tổng số 215 điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa đạt 85%, vượt 35% so với yêu cầu tối thiểu cắt giảm, đơn giản hóa 50% điều kiện đầu tư kinh doanh theo Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 13/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường cải

cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh.

Với việc ban hành Nghị định số 100/2018/NĐ-CP đã tạo điều kiện cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp, người dân; đã mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, chi phí thực hiện thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề cắt giảm khoảng 65,31%, chi phí thực hiện thủ tục cấp chứng chỉ năng lực cắt giảm khoảng 55,64%, chi phí thực hiện thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề cá nhân nước ngoài cắt giảm khoảng 11,39%; khắc phục được tình trạng can thiệp sâu vào quy mô hoạt động của tổ chức, loại bỏ sự độc quyền của một số tổ chức lớn; tạo sự linh hoạt trong việc sử dụng lao động tại các tổ chức tham gia hoạt động xây dựng phù hợp với yêu cầu công việc và quy luật thị trường lao động...

Đồng thời, Nghị định số 100/2018/NĐ-CP cũng có nhiều nội dung cải cách thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực như: tăng cường phân cấp thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân nước ngoài cho Sở Xây dựng; đơn giản hóa hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng; tăng thời hạn có hiệu lực của chứng chỉ năng lực từ 5 năm lên 10 năm; đa dạng hóa các cách thức thực hiện thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (qua mạng trực tuyến, qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp để tổ chức, cá nhân lựa chọn cho phù hợp. Đặc biệt, với việc bổ sung quy định về cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực trực tuyến sẽ giảm thời gian và chi phí cho người dân và doanh nghiệp; tăng tính minh bạch, chuẩn hóa về quy trình, thủ tục, đồng thời đảm bảo sự giám sát, kiểm soát chặt chẽ trong giải quyết thủ tục hành chính.

II. NHỮNG TỒN TẠI, BẤT CẬP, HẠN CHẾ

Bên cạnh những kết quả đã đạt được như đã nêu trên đây, trong quá trình triển khai thực hiện các quy định của Luật Xây dựng và các Nghị định hướng dẫn còn một số vấn đề tồn tại và phát sinh một số trường hợp thực tế cần phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp như sau:

- Một số quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư xây dựng còn chưa thống nhất, chưa có tính khả thi cao. Thực tế này yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng phải thường xuyên rà soát, đánh giá để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp.

- Tình trạng vi phạm trật tự xây dựng vẫn diễn biến phức tạp. Một số chủ đầu tư chưa nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng như: không thực hiện báo cáo thông tin khi khởi công công trình và khi hoàn thành thi công công trình; đưa công trình vào sử dụng khi chưa được chấp thuận về phòng cháy chữa cháy, môi trường và kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào

sử dụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người dân, gây bức xúc trong dư luận.

- Hệ thống định mức được công bố chưa đồng bộ, thiếu định mức và quy định về việc áp dụng đối với các công tác xây dựng đặc thù của ngành và các công tác xây dựng áp dụng công nghệ mới; một số công tác không có trong định mức thường chỉ tạm tính nên khi áp dụng thường gây ra tranh chấp giữa các bên liên quan, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Cụ thể, các hạn chế bất cập như sau:

1. Về đối tượng công trình miễn giấy phép xây dựng, cấp giấy phép xây dựng

- Công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đã có quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt và đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định đầu tư đã được quản lý thông qua việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 và thẩm định thiết kế kỹ thuật/ thiết kế bản vẽ thi công. Trong quá trình thẩm định đã có xem xét các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng, đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực, năng lực hoạt động xây dựng của đơn vị tư vấn thiết kế, quy chuẩn tiêu chuẩn áp dụng, sự tuân thủ quy định về môi trường, phòng cháy chữa cháy... Ngoài ra, công trình quy mô lớn còn thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi đưa vào khai thác, sử dụng. Do vậy, việc thực hiện cấp giấy phép xây dựng trong trường hợp này không mang lại hiệu quả, lãng phí thời gian, chi phí của doanh nghiệp.

- Đối với một số công trình quảng cáo thì tại Luật Quảng cáo năm 2012 đã miễn giấy phép xây dựng, tuy nhiên, Luật Xây dựng năm 2014 chưa quy định đồng bộ. Bên cạnh đó, đối với một số công trình có quy mô nhỏ thì qua nghiên cứu thấy rằng, cấu phần về xây dựng không nhiều, việc cấp giấy phép xây dựng không mang lại hiệu quả, có thể miễn giấy phép xây dựng để giảm thủ tục cấp giấy phép xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư.

- Thực tế hiện nay, có một số công trình đã thực hiện khởi công xây dựng, tuy nhiên, chưa thực hiện cấp giấy phép xây dựng hoặc xây dựng sai phép, đã bị lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính và đã thực hiện các biện pháp theo biên bản xử phạt. Để đáp ứng nhu cầu thực tế về hoàn thiện các hồ sơ pháp lý cho công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng cũng như cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình thì cần được bổ sung quy định về cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp này.

2. Về thời gian cấp giấy phép xây dựng, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt

- *Về thời gian cấp giấy phép xây dựng:* theo quy định tại Điều 102 của Luật Xây dựng thì thời gian cấp giấy phép xây dựng là 30 ngày đối với công trình, 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ. Tuy nhiên, thời gian cấp giấy phép xây dựng theo nhiều phản ánh, kiến nghị là còn dài. Từ thực tiễn triển khai công tác cấp phép xây dựng cho thấy, với việc áp dụng công nghệ thông tin, thực hiện cơ chế một cửa liên thông, nhiều địa phương đã giảm thời gian cấp phép xây dựng đối với công trình còn 15 – 20 ngày. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định về thời gian cấp giấy phép xây dựng để cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- *Về thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt:* Theo quy định tại Điều 103 của Luật Xây dựng, Bộ Xây dựng có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng các công trình còn lại. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết, là cơ sở để cấp giấy phép xây dựng. Như vậy, việc quy định Bộ Xây dựng có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt là chưa đồng bộ với thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.

Nhằm cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương cần phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt.

3. Về điều kiện cấp giấy phép xây dựng tại Luật Xây dựng

- Việc quy định điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động yêu cầu phải “phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt” là không khả thi bởi vì: thực tế hiện nay tồn tại nhiều công trình quảng cáo, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được xây dựng trên đất nông nghiệp mà không làm ảnh hưởng đến mục đích sử dụng đất nông nghiệp (chỉ sử dụng một phần diện tích đất nông nghiệp và trong một khoảng thời gian nhất định). Vì vậy, đối với các công trình đã có trong quy hoạch chuyên ngành đã được phê duyệt thì chỉ cần đảm bảo phù hợp với các quy hoạch chuyên ngành này.

- Việc quy định điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng có thời hạn phải “phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt” là không khả thi vì về bản chất, những công trình này không phù hợp với quy hoạch xây dựng nên không thể phù hợp với mục đích sử dụng đất. Việc quy định điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng có thời hạn phải “thuộc khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng đã

được phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất” là không phù hợp với quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng vì không phải khu vực nào cũng phải lập quy hoạch phân khu. Đồng thời, quy định này cũng ảnh hưởng đến quyền, lợi ích chính đáng của người dân trong khu vực bị quy hoạch, dẫn đến nhiều khiếu kiện về quy hoạch chậm triển khai thực hiện trong điều kiện Nhà nước chưa bảo đảm nguồn lực thực hiện quy hoạch. Vì vậy, đối với công trình xây dựng có thời hạn thì không yêu cầu phải đáp ứng các điều kiện nêu trên.

- Khoản 6 Điều 95 của Luật Xây dựng năm 2014 quy định trong thành phần hồ sơ cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo phải có “bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về quảng cáo”, tuy nhiên, Luật Quảng cáo năm 2012 không còn quy định về giấy phép thực hiện quảng cáo nên quy định này là không còn phù hợp.

4. Về yêu cầu cung cấp bản sao quyết định đầu tư, bản sao chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng

Việc quy định cung cấp bản sao quyết định đầu tư, bản sao chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng là cơ sở để triển khai thực hiện cấp giấy phép xây dựng. Tuy nhiên, hiện nay các thông tin về doanh nghiệp, chứng chỉ hành nghề xây dựng đã được công khai, minh bạch trên trang thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Do vậy, việc yêu cầu cung cấp các bản sao quyết định đầu tư, bản sao chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng không cần thiết, thay vào đó chỉ cần cung cấp mã số doanh nghiệp và mã số chứng chỉ hành nghề trong đơn xin cấp giấy phép xây dựng. Điều này nhằm nhằm đơn giản hồ sơ cấp giấy phép xây dựng theo Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

5. Về cấp giấy phép theo giai đoạn, phân kỳ đầu tư

- Luật Xây dựng quy định công trình cấp đặc biệt, cấp I được cấp giấy phép theo giai đoạn nếu chủ đầu tư có nhu cầu. Nhưng thực tế, nhiều công trình cấp II, cấp III các chủ đầu tư cũng có nhu cầu cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn để phù hợp với quá trình đầu tư và hiệu quả đầu tư nên đề nghị bổ sung thêm nội dung cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn cho tất cả các công trình xây dựng nếu chủ đầu tư có nhu cầu.

- Luật Xây dựng năm 2014 quy định trường hợp được phân kỳ đầu tư chỉ áp dụng đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A. Điều này chưa tạo

được sự chủ động, linh hoạt đối với các dự án khác; do vậy, để đơn giản hóa nội dung, trình tự đầu tư xây dựng và phù hợp với quá trình đầu tư và tăng hiệu quả đầu tư.

6. Quy định về thẩm định dự án xây dựng, thẩm định thiết kế xây dựng

- Theo quy định tại Điều 58, Điều 82 của Luật Xây dựng, văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy là cơ sở để cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng. Thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường là thủ tục cần thiết, quan trọng đối với những dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường; tuy nhiên, nếu các cơ quan thực hiện thẩm duyệt phòng cháy, đánh giá tác động môi trường và thẩm định thiết kế thực hiện độc lập, không thực hiện đồng thời và không có sự kết nối, đồng bộ sẽ làm kéo dài thời gian thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng, gây ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện dự án của chủ đầu tư.

Vì vậy, cần bổ sung quy định cụ thể việc thực hiện thẩm định của cơ quan cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện đồng thời với thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng nhằm rút ngắn thời gian thẩm định dự án, giảm chi phí, tăng hiệu quả đầu tư cho nhà đầu tư.

- Một số nội dung thẩm định dự án đầu tư xây dựng đã được xem xét trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư, do vậy, cần sửa đổi nội dung thẩm định dự án đầu tư xây dựng nhằm thực hiện mục tiêu đơn giản hóa thủ tục hành chính. Theo đó, không yêu cầu thẩm định lại những nội dung đã được thẩm định/ thẩm tra trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư.

- Về cơ quan đầu mối tổng hợp thẩm định và trình phê duyệt dự án: theo quy định của Luật Đầu tư công và văn bản hướng dẫn thì cơ quan quản lý đầu tư các cấp là cơ quan chủ trì thẩm định, trình phê duyệt dự án; theo quy định tại Điều 57, Điều 58 Luật Xây dựng thì đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, cơ quan chuyên môn về xây dựng là cơ quan chủ trì thẩm định, trình phê duyệt dự án. Như vậy, đối với dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng chưa thống nhất về cơ quan chủ trì thẩm định, trình phê duyệt dự án. Do đó, cần làm rõ cơ quan đầu mối tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án tại Luật Xây dựng để triển khai thực hiện trên thực tế.

7. Về các quy định về hình thức tổ chức quản lý dự án

Điều 62 Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP quy định về hình thức quản lý dự án có nhiều điểm mới so với Luật Xây dựng năm 2003. Tuy nhiên, một số Bộ, ngành và địa phương còn nhiều vướng mắc trong vấn đề chuyển đổi mô hình quản lý dự án theo quy định của Luật Xây dựng năm

2014 như: đối với các dự án đầu tư có quy mô lớn hơn 15 tỷ đồng (chủ yếu là phần thiết bị) sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách hoặc vốn khác, theo quy định của Luật Xây dựng thì hình thức quản lý dự án phải thuê tư vấn quản lý dự án. Việc tiến hành lựa chọn đơn vị tư vấn thích hợp mất rất nhiều thời gian và tăng chi phí, trong khi năng lực chuyên môn của các đơn vị chuyên môn của Chủ đầu tư có thể tự thực hiện... Việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực của các bộ, ngành khó thực hiện do cần phải bố trí cán bộ đủ năng lực theo quy định, trong khi biên chế của các Bộ, ngành không đáp ứng được; đặc biệt, đối với các Bộ, ngành có ít dự án đầu tư xây dựng được triển khai, nếu thành lập các Ban quản lý theo quy định của Luật Xây dựng sẽ không hiệu quả, làm tăng biên chế. Bên cạnh đó, việc vận hành hình thức Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành còn nhiều lúng túng, đặc biệt về phân định trách nhiệm quản lý dự án giữa Chủ đầu tư và Ban quản lý dự án còn nhiều khó khăn do chưa có mẫu hợp đồng quy định hình thức ủy thác giữa các bên. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung để đưa ra những quy định phù hợp hơn trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

8. Về quản lý năng lực hoạt động xây dựng

- Về yêu cầu cá nhân tham gia quản lý, cá nhân hành nghề độc lập an toàn lao động, cá nhân tham gia quản lý dự án, kiểm định xây dựng, định giá xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề: Khoản 3 Điều 148 Luật Xây dựng quy định đối với một số ngành nghề thì chỉ yêu cầu chủ nhiệm, chủ trì, giám đốc quản lý dự án phải có chứng chỉ hành nghề; tuy nhiên, đối với một số ngành nghề khác lại yêu cầu tất cả các cá nhân tham gia hoạt động xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề (ví dụ: quản lý dự án, kiểm định xây dựng, định giá xây dựng). Điều này dẫn đến sự thiếu thống nhất về điều kiện năng lực đối với các ngành nghề này. Do vậy, cần bỏ yêu cầu cá nhân tham gia quản lý dự án, cá nhân hành nghề độc lập an toàn lao động, kiểm định xây dựng, định giá xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong quy định pháp luật và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia hoạt động xây dựng.

- Về thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực hạng I: Luật Xây dựng quy định cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hạng I, Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hạng I. Quy định này là không thống nhất về thẩm quyền trong việc cấp chứng chỉ hành nghề và chứng chỉ năng lực hạng I, do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định này theo hướng cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hạng I để thống nhất đầu mối quản lý.

- Về đăng ký thông tin về năng lực hoạt động xây dựng: Điều 159 Luật Xây dựng quy định tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng có trách nhiệm đăng ký thông tin về năng lực hoạt động xây dựng với Bộ Xây dựng, Sở

Xây dựng để đăng tải trên trang thông tin điện tử. Quy định này là phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết. Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng là cơ quan cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, chứng chỉ hành nghề phải có trách nhiệm đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử. Do vậy, cần sửa đổi Điều 159 theo hướng bãi bỏ thủ tục này.

9. Về công bố các chỉ tiêu, hệ thống định mức xây dựng, chỉ số giá, giá xây dựng; các loại hợp đồng xây dựng

- *Về công bố các chỉ tiêu, hệ thống định mức xây dựng, chỉ số giá, giá xây dựng:* Theo quy định hiện nay tại Luật Xây dựng, các chỉ tiêu, hệ thống định mức xây dựng, chỉ số giá, giá xây dựng do Nhà nước công bố để chủ đầu tư sử dụng, tham khảo, chủ đầu tư có quyền vận dụng hoặc sửa đổi, hoặc xây dựng định mức mới khi không phù hợp. Tuy nhiên trong thực tế đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, nhiều chủ đầu tư, cơ quan tư vấn vẫn áp dụng cứng, hoặc sửa đổi, hoặc lập định mức mới để áp dụng theo hướng có lợi cho mình gây thất thoát, lãng phí ngân sách. Ngoài ra, trong quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, khi thanh tra, kiểm toán về cơ bản vẫn sử dụng hệ thống định mức công bố. Điều này dẫn đến những khó khăn bất cập trong quá trình quản lý chi phí đầu tư xây dựng của chủ đầu tư, tư vấn.

- *Về các loại hợp đồng xây dựng:* Quy định hiện hành tại điểm h khoản 3 Điều 140 Luật Xây dựng là cứng nhắc, giới hạn các hình thức Hợp đồng xây dựng sử dụng vốn nhà nước chỉ áp dụng các loại hợp đồng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này hoặc kết hợp các loại hợp đồng này. Tuy nhiên, trong thực tế có những dự án cần áp dụng hình thức hợp đồng khác thì lại không áp dụng được. Do vậy, bãi bỏ điểm h khoản 3 Điều 140 Luật Xây dựng là nhằm không giới hạn hình thức hợp đồng xây dựng, đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

10. Về các quy định liên quan đến quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình, đánh giá an toàn công trình xây dựng

- *Về các quy định liên quan đến quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình:* Theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động thì việc quản lý an toàn, vệ sinh lao động chuyên ngành do các Bộ quản lý chuyên ngành thực hiện. Theo quy định của pháp luật về xây dựng, việc kiểm tra các nội dung về an toàn trong thi công xây dựng công trình được cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Sở Xây dựng, sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện đồng thời với việc kiểm tra công tác nghiệm thu. Tuy nhiên, Luật Xây dựng chưa quy định cụ thể trách nhiệm quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình đối với Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành nên việc tổ chức kiểm tra công tác an toàn trong thi công xây dựng của các Bộ, Sở này chưa đủ tính pháp lý.

Vì vậy, cần phải bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình theo hướng làm rõ trách nhiệm của Bộ Xây dựng là cơ quan thống nhất quản lý nhà nước về an toàn an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình, các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình chuyên ngành. Quy định này sẽ làm rõ trách nhiệm và phù hợp với quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động về trách nhiệm quản lý của Bộ xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình.

Ngoài các nội dung quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình đã được quy định tại Điều 115 của Luật Xây dựng còn có nhiều nội dung cụ thể cần được pháp luật quy định để đáp ứng yêu cầu quản lý trong quá trình thi công xây dựng công trình, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong quản lý và phù hợp với Luật An toàn, vệ sinh lao động như các nội dung quy định về việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch an toàn; quy định về hệ thống quản lý, trách nhiệm của các chủ thể (chủ đầu tư, các nhà thầu, người lao động; việc kiểm tra kiểm soát công tác an toàn lao động quản lý máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt trong quá trình thi công xây dựng công trình... Để đáp ứng yêu cầu quản lý, một số nội dung nêu trên đang được Bộ Xây dựng hướng dẫn tại Thông tư 04/2017/TT-BXD. Tuy nhiên, để đảm bảo tính pháp lý và hiệu lực quản lý, đề nghị bổ sung quy định của Luật giao Chính phủ hoặc Bộ Xây dựng quy định chi tiết các nội dung này.

- Về các quy định liên quan đến đánh giá an toàn công trình xây dựng:
Thực tế hiện nay, các công trình xây dựng đang khai thác, sử dụng đã có dấu hiệu xuống cấp do thiếu chú trọng trong công tác bảo trì công trình¹. Trong số không ít các công trình đã xảy ra mất an toàn về chất lượng công trình, về môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ làm ảnh hưởng lớn tới an toàn của người dân, cộng đồng, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Ngoài ra, các công trình quan trọng quốc gia, công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, các công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng khi có xảy ra sự cố đều gây ra thiệt hại về người và tài sản nhưng lại chưa được kiểm soát định kỳ, thường xuyên của các cơ quan chuyên môn về xây dựng trong suốt quá trình khai thác sử dụng.

¹ Các sự cố công trình như sụp đổ tòa nhà 5 tầng 49 Huỳnh Thúc Kháng, TP. Hà Nội ngày 31/3/2011, đổ Tháp truyền hình Nam Định cao 180m ngày 28/10/2012 trong cơn bão Sơn Tinh,..., gần đây là sụp đổ tháp truyền hình của Đài phát thanh truyền hình Kỳ Anh, Hà Tĩnh trong cơn bão số 10 ngày 15/9/2017, sập cầu Ngòi Thia, tỉnh Yên Bái ngày 11/10/2017 do nước lũ,... có các nguyên nhân xuất phát từ thiết kế, chất lượng vật liệu đã sử dụng, việc thay đổi công năng, sửa chữa hoặc thay đổi kết cấu công trình không được kiểm soát và đánh giá an toàn chịu lực trong quá trình sử dụng cho thấy việc quản lý, kiểm tra, kiểm soát an toàn chịu lực trong quá trình sử dụng của các công trình hiện hữu ở Việt Nam còn khoảng trống về quản lý.

Bên cạnh đó, trong các pháp luật về xây dựng hiện hành lại không có các quy định cụ thể để kiểm tra, kiểm soát, đánh giá được công trình trong quá trình khai thác, sử dụng.

Do vậy nhằm ngăn ngừa, hạn chế các rủi ro của công trình trong quá trình khai thác, sử dụng, cũng như có các cảnh báo tới cộng đồng được kịp thời thì pháp luật về xây dựng cần có các quy định, chế tài và biện pháp cụ thể để thực hiện.

11. Về xây dựng công trình theo lệnh khẩn cấp, cấp bách

Việc xây dựng các công trình khẩn cấp, cấp bách phải lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu là chưa linh hoạt, trong thực tế, cần nhiều thời gian để xin phép Thủ tướng Chính phủ, lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan nên có thể ảnh hưởng đến tính cấp thiết của việc triển khai xây dựng công trình, không đáp ứng yêu cầu của thực tế cấp bách. Theo đó, cần thiết phải có quy định cụ thể về việc giao thầu tại Luật Xây dựng đối với công trình theo lệnh khẩn cấp, cấp bách, đồng thời, cần làm rõ trình tự đầu tư xây dựng đối với loại công trình này nhằm đạt được mục tiêu đề ra, tính chất của loại công trình này.

12. Về một số thuật ngữ trong Luật Xây dựng năm 2014

- Về khái niệm cơ quan trung ương, chủ đầu tư: Luật Xây dựng năm 2014 quy định người có thẩm quyền quyết định thành lập Ban Quản lý dự án, phê duyệt dự án (trường hợp miễn phép xây dựng) ở trung ương là Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ dẫn đến còn thiếu cũng như không áp dụng được trong quá trình thực hiện đối với trường hợp người quyết định đầu tư là: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Quốc hội,... Do vậy, cần bổ sung giải thích từ ngữ để tránh việc phải liệt kê chi tiết nhưng không đầy đủ tại các điều, khoản cụ thể trong Luật; đồng thời bảo đảm thống nhất với khoản 4 Điều 4 của Luật Đầu tư công.

Tại điểm c khoản 2 Điều 7 Luật Xây dựng quy định: “Đối với dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng dự án, hợp đồng đối tác công tư, chủ đầu tư là doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thỏa thuận thành lập theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Đầu tư công, khoản 2 Điều 38 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, đối với dự án BT hoặc dự án PPP nhóm C, nhà đầu tư không bắt buộc phải thành lập doanh nghiệp dự án mà có thể trực tiếp thực hiện dự án. Do đó, trong trường hợp này, chủ đầu tư của dự án chính là nhà đầu tư.

- Một số thuật ngữ khác chưa được giải thích, làm rõ trong Luật Xây dựng.

III. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

1. Bối cảnh và một số yêu cầu sửa đổi, bổ sung

Sau hơn 04 năm triển khai Luật Xây dựng, nhìn chung, công tác quản lý

nhà nước về xây dựng đã được tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Các hoạt động đầu tư xây dựng đã ổn định, nền nếp hơn; chất lượng công trình xây dựng được nâng cao... Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Luật Xây dựng và các Luật về đầu tư, kinh doanh (Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Đất đai...), cũng bộc lộ một số bất cập, không phù hợp với thực tiễn; cũng như đáp ứng yêu cầu chỉ đạo của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ đã đặt ra một số yêu cầu mới đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung Luật này. Các Nghị quyết của Chính phủ (Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017, Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 11/7/2017 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6/2017, Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 09/8/2017 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7/2017, Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 31/8/2017 về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8/2017, Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII (số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017) đều nhấn mạnh việc rà soát, đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính, bãi bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, không phù hợp; tăng cường lắng ý kiến, đối thoại với doanh nghiệp, hiệp hội để tạo sự đồng thuận, bảo đảm tính minh bạch trong việc ban hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, đồng thời với việc rà soát, chủ động sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

Việc sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng năm 2014 là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay và cần phải bảo đảm một số yêu cầu sau đây:

- Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng.

- Tập trung sửa đổi, bổ sung những vấn đề mang tính cấp bách, cần thiết nhất để tháo gỡ vướng mắc, bất cập về thể chế, tạo cơ sở pháp lý để khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đặc biệt là các quy định về thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh trong hoạt động đầu tư xây dựng.

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, bảo đảm tính tương thích của các chính sách với các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tăng cường sự quản lý thống nhất của trung ương đi đôi với phân cấp và nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương, bảo đảm công khai, minh bạch trong các hoạt động của ngành xây dựng.

2. Một số đề xuất sửa đổi, bổ sung

Với quan điểm nêu trên, Bộ Xây dựng đề xuất các nội dung cần sửa đổi,

bổ sung hoặc bãi bỏ một số điều của Luật Xây dựng cụ thể như sau:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 50; Điều 57; Điều 58; Điều 82; Điều 84 theo hướng đơn giản hóa nội dung, trình tự đầu tư xây dựng, thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Theo đó, không yêu cầu thẩm định lại những nội dung đã được thẩm định/ thẩm tra trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư; bổ sung, làm rõ việc thực hiện lồng ghép, đồng thời, song song các thủ tục liên quan trong quá trình thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng; làm rõ cơ quan đầu mối tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 89 theo hướng: (1) bổ sung đối tượng được miễn giấy phép xây dựng, bao gồm: công trình xây dựng thuộc dự án đã có quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt và đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định đầu tư; một số công trình quảng cáo, công trình quy mô nhỏ khác; (2) thể hiện lại các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng để tránh trùng lặp; (3) bổ sung trường hợp cấp giấy phép xây dựng theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Không giới hạn cấp công trình được cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn khi đã có thiết kế xây dựng được thẩm định (Điều 89)

- Bãi bỏ yêu cầu phù hợp với mục đích sử dụng đất, sửa đổi yêu cầu thuộc khu vực quy hoạch phân khu xây dựng đã được phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (Điều 91, Điều 94).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 130 theo hướng quy định cụ thể về việc giao thầu đối với công trình theo lệnh khẩn cấp, cấp bách, đồng thời, cần làm rõ trình tự đầu tư xây dựng đối với loại công trình này nhằm đạt được mục tiêu đề ra đối với loại công trình này.

- Sửa đổi Điều 95 theo hướng bỏ yêu cầu cung cấp bản sao quyết định đầu tư, bản sao chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng và thay bằng việc cung cấp mã số doanh nghiệp và mã số chứng chỉ hành nghề trong đơn xin cấp giấy phép xây dựng.

- Giảm thời gian cấp phép xây dựng đối với công trình từ 30 ngày xuống còn 20 ngày để rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng (Điều 102).

- Giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt (Điều 103); giao cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hạng I (Điều 148).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 159 theo hướng bỏ thủ tục đăng tải thông tin về

năng lực hoạt động xây dựng và thay bằng quy định cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ có trách nhiệm đăng tải thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân lên Trang thông tin điện tử do mình quản lý, đồng thời, gửi thông tin để tích hợp trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

- Sửa đổi Điều 132, Điều 136 theo hướng các chỉ tiêu, hệ thống định mức xây dựng, chỉ số giá xây dựng, giá xây dựng do Nhà nước ban hành để áp dụng bắt buộc đối với công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước (nếu có điều chỉnh thì phải theo quy định về việc điều chỉnh); đối với các công trình sử dụng nguồn vốn khác thì do Nhà nước công bố để tham khảo áp dụng.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức tổ chức quản lý dự án tại Điều 62, Điều 63.

- Sửa đổi, bổ sung một số khái niệm, thuật ngữ công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp, cấp bách, hợp đồng trong hoạt động xây dựng... nhằm thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (Điều 3, Điều 128, Điều 130, Điều 140...).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 126 theo hướng quy định rõ đối tượng phải thực hiện đánh giá an toàn của công trình trong quá trình khai thác, sử dụng. Bổ sung giao trách nhiệm Chính phủ quy định chi tiết về đánh giá định kỳ về an toàn của công trình xây dựng trong quá trình khai thác, sử dụng.

- Sửa khoản 3, khoản 5 Điều 148 theo hướng bỏ quy định cá nhân tham gia quản lý, cá nhân hành nghề độc lập an toàn lao động, cá nhân tham gia quản lý dự án, kiểm định xây dựng, định giá xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề; bỏ nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về hoạt động xây dựng..

- Bãi bỏ yêu cầu nộp “Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về quảng cáo” khi cấp Giấy phép xây dựng công trình quảng cáo để thống nhất với quy định của Luật Quảng cáo (điểm b khoản 6 Điều 95, khoản 4 Điều 96) và kế thừa những nội dung đã được quy định tại Điều 31 của Luật Quảng cáo. Đồng thời, bãi bỏ Điều 31 của Luật Quảng cáo năm 2012, việc cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Bổ sung vào các Điều 115, 162, 163 nội dung giao Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về quản lý an toàn thi công xây dựng; làm rõ trách nhiệm của Bộ Xây dựng là cơ quan thống nhất quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình, các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình chuyên ngành.

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Xây dựng, Bộ Xây dựng kính báo cáo./. JK

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các thành viên Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội: Pháp luật, Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, HĐXD, PC.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Hồng Hà
Phạm Hồng Hà

BÁO CÁO**Đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng****I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN****1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Luật Xây dựng năm 2014 là đạo luật quan trọng điều chỉnh các hoạt động đầu tư xây dựng, quy hoạch xây dựng... Luật Xây dựng đã góp phần tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận các thủ tục và dịch vụ công, huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; khắc phục tư tưởng “nhà nước hóa”, “thị trường hóa” trong quản lý đầu tư xây dựng. Sau khi Luật được thông qua, Bộ Xây dựng đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và địa phương triển khai nhiều hoạt động thi hành Luật, xây dựng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Vì vậy, đã góp phần đưa hoạt động đầu tư xây dựng có nhiều khởi sắc, bộ mặt đô thị, nông thôn có nhiều thay đổi theo hướng tích cực, chất lượng công trình xây dựng được nâng cao...

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện Luật Xây dựng đã phát sinh một số vướng mắc, bất cập đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung, cụ thể là:

Thứ nhất, các quy định liên quan đến giấy phép xây dựng, thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng, điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, đăng ký thông tin về năng lực hoạt động xây dựng... chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu mới tại những chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội, Chính phủ trong thời gian qua như: yêu cầu phải “Hoàn thiện pháp luật về đầu tư, kinh doanh; bảo đảm quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh của các chủ thể kinh tế đã được Hiến pháp quy định; xóa bỏ rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Hoàn thiện thể chế về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; có chính sách tháo gỡ những vướng mắc, tạo thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp phát triển trên cơ sở đẩy mạnh đồng bộ cải cách hành chính và tư pháp..” (Nghị quyết số 11-NQ/TW¹); “xóa bỏ các rào cản, các biện pháp hành chính can thiệp trực tiếp vào thị trường sản xuất kinh doanh tạo ra bất bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực xã hội...; đơn giản hóa, rút ngắn thời

¹ Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/06/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

gian xử lý các thủ tục hành chính, nhất là về thành lập doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh, cấp phép” (Nghị quyết số 10-NQ/TW²); yêu cầu Chính phủ báo cáo đề xuất bổ sung trình các dự án luật vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018, theo đó, cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản liên quan đến đất đai, **xây dựng**, nhà ở, đầu tư, kinh doanh để phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội (văn bản số 178/UBTVQH14-PL ngày 22/8/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

Thế chế hóa chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị quyết³ trong đó nhấn mạnh việc rà soát, đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính, bãi bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, không phù hợp, bảo đảm tính minh bạch trong việc ban hành các điều kiện đầu tư kinh doanh. Đặc biệt, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 25/8/2018⁴, trong đó giao Bộ Xây dựng tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, thực hiện cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ hai, trong quá trình triển khai thực hiện Luật Xây dựng, một số quy định của Luật đã phát sinh những hạn chế, bất cập như thời gian cấp giấy phép xây dựng còn dài; điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với một số công trình còn chưa phù hợp với thực tiễn; quy định những công trình được cấp giấy phép theo giai đoạn, phân kỳ đầu tư còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, chưa tạo sự chủ động, linh hoạt đối với các dự án; việc thành lập, vận hành Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng còn nhiều lúng túng, khó thực hiện; điều kiện năng lực đối với một số ngành nghề chưa bình đẳng; quy định công bố các chỉ tiêu, hệ thống định mức xây dựng, chỉ số giá, giá xây dựng, các loại hợp đồng xây dựng và các quy định liên quan đến quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình, đánh giá an toàn công trình xây dựng, xây dựng các công trình khẩn cấp, cấp bách, việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng vật liệu xây dựng... cũng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Thứ ba, các quy định của Luật Xây dựng liên quan đến nhiều lĩnh vực khác đang được điều chỉnh trong các luật chuyên ngành. Tuy nhiên, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt chưa đồng bộ với thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết; chưa có sự kết nối về thời điểm thực hiện thẩm

² Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/06/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

³ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017, Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 06/02/2017, Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 11/7/2017, Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 09/8/2017, Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 31/8/2017, Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017, Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 25/8/2018.

⁴ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 25/8/2018 về một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách liên quan đến đầu tư xây dựng.

duyet phòng cháy, chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường với thẩm định thiết kế; quy định cơ quan đầu môi tổng hợp thẩm định và trình phê duyệt dự án đối dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng chưa thống nhất với Luật Đầu tư công; việc cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo chưa đồng bộ với Luật Quảng cáo... Những quy định chưa thực sự đầy đủ, rõ ràng, chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật đòi hỏi phải sớm sửa đổi Luật Xây dựng.

Do vậy, việc sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng năm 2014 để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tháo gỡ những vướng mắc, tạo thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, giải quyết những vấn đề bức xúc của người dân, doanh nghiệp... là yêu cầu cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Thứ nhất, tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Thứ hai, tập trung sửa đổi, bổ sung những vấn đề mang tính cấp bách, cần thiết nhất để tháo gỡ vướng mắc, bất cập về thể chế, tạo cơ sở pháp lý để khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đặc biệt là các quy định về thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Thứ ba, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, bảo đảm tính tương thích của các chính sách với các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Thứ tư, tăng cường sự quản lý thống nhất của trung ương đi đôi với phân cấp và nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương, bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động đầu tư xây dựng.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

II.1. XÁC ĐỊNH CHÍNH SÁCH

Để đạt được các mục tiêu sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng, Bộ Xây dựng đã tiến hành xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động với sự đóng góp, tham gia của nhiều chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng. Theo đó, Báo cáo đánh giá tác động tập trung vào 03 chính sách lớn, bao gồm:

- Chính sách 1: Cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng

- Chính sách 2: Bãi bỏ, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực xây dựng

- Chính sách 3: Hoàn thiện chính sách, pháp luật về xây dựng bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với pháp luật có liên quan

II.2. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI TỪNG CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

(1) Về thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công (Điều 57, Điều 58, Điều 82, Điều 84)

Việc thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán bước đầu đã mang lại hiệu quả. Sau hơn bốn năm thi hành Luật Xây dựng và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, công tác thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế và dự toán xây dựng công trình đã đi vào nề nếp, quá trình thẩm định (đặc biệt là đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước, các công trình quy mô lớn, phức tạp có ảnh hưởng lớn đến an toàn của cộng đồng), cơ quan chuyên môn về xây dựng đã phát hiện ra nhiều rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra trong quá trình thực hiện dự án về chất lượng và an toàn công trình, hạn chế thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc phân định thẩm quyền thẩm định dự án theo 03 loại nguồn vốn: vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác cũng có nhiều bất cập. Bên cạnh đó, các quy định hiện hành về thẩm định, thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán chưa phù hợp với tính chất của các loại hợp đồng như EPC, chìa khóa trao tay,... nên thực tế triển khai còn nhiều lúng túng.

Thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường là thủ tục cần thiết, quan trọng đối với những dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường; tuy nhiên, nếu các cơ quan thực hiện thẩm duyệt phòng cháy, đánh giá tác động môi trường và thẩm định thiết kế thực hiện độc lập, không thực hiện đồng thời và không có sự kết nối sẽ làm kéo dài thời gian thẩm định dự án. Vì vậy, cần bổ sung quy định cụ thể việc thực hiện thẩm định của cơ quan cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện đồng thời với thẩm định thiết kế xây dựng nhằm rút ngắn thời gian thẩm định dự án, giảm chi phí, tăng hiệu quả đầu tư cho nhà đầu tư.

(2) Về đối tượng công trình được miễn giấy phép xây dựng, công trình cấp giấy phép xây dựng (Điều 89)

Điều 89 của Luật Xây dựng đã quy định cụ thể các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, rà soát, có thể miễn giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng thuộc dự án đã có quy hoạch chi tiết 1/500

được phê duyệt và đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định đầu tư vì đối với các công trình này thì trong quá trình thẩm định đã có xem xét các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng, đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực, năng lực hoạt động xây dựng của đơn vị tư vấn thiết kế, quy chuẩn tiêu chuẩn áp dụng, sự tuân thủ quy định về môi trường, phòng cháy chữa cháy... Ngoài ra, công trình quy mô lớn còn thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi đưa vào khai thác, sử dụng. Do vậy, việc thực hiện cấp giấy phép xây dựng trong trường hợp này không mang lại hiệu quả, lãng phí thời gian, chi phí của doanh nghiệp. Đối với một số công trình quảng cáo, công trình quy mô nhỏ thì qua nghiên cứu thấy rằng, cấu phần về xây dựng không nhiều, việc cấp giấy phép xây dựng không mang lại hiệu quả, có thể miễn giấy phép xây dựng để giảm thủ tục cấp giấy phép xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư.

Bên cạnh đó, thực tế hiện nay, có một số công trình đã thực hiện khởi công xây dựng, tuy nhiên, chưa thực hiện cấp giấy phép xây dựng hoặc xây dựng sai phép, đã bị lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính và đã thực hiện các biện pháp theo biên bản xử phạt. Để đáp ứng nhu cầu thực tế về hoàn thiện các hồ sơ pháp lý cho công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng cũng như cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình thì cần được bổ sung quy định về cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp này.

(3) Về công trình xây dựng được cấp giấy phép theo giai đoạn (Điều 89), các trường hợp được phân kỳ đầu tư (Điều 50)

Khoản 4 Điều 89 Luật Xây dựng, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP đã quy định công trình cấp đặc biệt, cấp I được cấp giấy phép theo giai đoạn khi đã có thiết kế xây dựng được thẩm định. Tuy nhiên, qua thực tế triển khai cho thấy, nhiều công trình cấp II, cấp III các chủ đầu tư cũng có nhu cầu cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn để phù hợp với quá trình đầu tư và hiệu quả đầu tư. Do vậy, nên quy định cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn cho tất cả các công trình xây dựng nếu chủ đầu tư có nhu cầu thay vì hạn chế cấp công trình được cấp giấy phép theo giai đoạn như hiện nay nhằm đáp ứng nhu cầu của chủ đầu tư, góp phần giảm thời gian đầu tư dự án.

Luật Xây dựng năm 2014 quy định trường hợp được phân kỳ đầu tư chỉ áp dụng đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A. Điều này chưa tạo được sự chủ động, linh hoạt đối với các dự án khác; do vậy, để đơn giản hóa nội dung, trình tự đầu tư xây dựng và phù hợp với quá trình đầu tư và tăng hiệu quả đầu tư.

(4) Về điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, cấp giấy phép xây dựng có thời

hạn (Điều 91, Điều 94)

- Việc quy định điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động yêu cầu phải “phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt” là không khả thi bởi vì: thực tế hiện nay tồn tại nhiều công trình quảng cáo, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được xây dựng trên đất nông nghiệp mà không làm ảnh hưởng đến mục đích sử dụng đất nông nghiệp (chỉ sử dụng một phần diện tích đất nông nghiệp và trong một khoảng thời gian nhất định). Vì vậy, đối với các công trình đã có trong quy hoạch chuyên ngành đã được phê duyệt thì chỉ cần đảm bảo phù hợp với các quy hoạch chuyên ngành này.

- Việc quy định điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng có thời hạn phải “phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt” là không khả thi vì về bản chất, những công trình này không phù hợp với quy hoạch xây dựng nên không thể phù hợp với mục đích sử dụng đất. Việc quy định điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng có thời hạn phải “thuộc khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng đã được phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất” là không phù hợp với quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng vì không phải khu vực nào cũng phải lập quy hoạch phân khu. Đồng thời, quy định này cũng ảnh hưởng đến quyền, lợi ích chính đáng của người dân trong khu vực bị quy hoạch, dẫn đến nhiều khiếu kiện về quy hoạch chậm triển khai thực hiện trong điều kiện Nhà nước chưa bảo đảm nguồn lực thực hiện quy hoạch. Vì vậy, đối với công trình xây dựng có thời hạn thì không yêu cầu phải đáp ứng các điều kiện nêu trên.

(5) Về xây dựng công trình theo lệnh khẩn cấp, cấp bách (Điều 128, Điều 130)

Việc xây dựng các công trình khẩn cấp, cấp bách phải lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu là chưa linh hoạt, trong thực tế, cần nhiều thời gian để xin phép Thủ tướng Chính phủ, lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan nên có thể ảnh hưởng đến tính cấp thiết của việc triển khai xây dựng công trình, không đáp ứng yêu cầu của thực tế cấp bách. Theo đó, cần thiết phải có quy định cụ thể về việc giao thầu tại Luật Xây dựng đối với công trình theo lệnh khẩn cấp, cấp bách, đồng thời, cần làm rõ trình tự đầu tư xây dựng đối với loại công trình này nhằm đạt được mục tiêu đề ra, tính chất của loại công trình này.

(6) Về yêu cầu cung cấp bản sao quyết định đầu tư, bản sao chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng (Điều 95)

Việc quy định cung cấp bản sao quyết định đầu tư, bản sao chứng chỉ

hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng là cơ sở để triển khai thực hiện cấp giấy phép xây dựng. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, rà soát, có thể bỏ yêu cầu này và thay bằng việc cung cấp mã số doanh nghiệp và mã số chứng chỉ hành nghề trong đơn xin cấp giấy phép xây dựng nhằm đơn giản hồ sơ cấp giấy phép xây dựng theo Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

(7) Về thời gian cấp giấy phép xây dựng đối với công trình (Điều 102)

Theo quy định tại Điều 102 của Luật Xây dựng thì thời gian cấp giấy phép xây dựng là 30 ngày đối với công trình, 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ. Tuy nhiên, hiện nay, nhờ việc áp dụng công nghệ thông tin, thực hiện cơ chế một cửa liên thông nên có thể giảm thời gian thực hiện cấp giấy phép xây dựng xuống còn 20 ngày đối với công trình.

(8) Về phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt (Điều 103) và thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực hạng I (Điều 148)

Theo quy định tại Điều 103 của Luật Xây dựng, Bộ Xây dựng có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng các công trình còn lại. Nhằm mục tiêu đẩy mạnh phân cấp quản lý đầu tư xây dựng, đề xuất phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

Luật Xây dựng quy định cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hạng I, Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hạng I. Quy định này là không thống nhất về thẩm quyền trong việc cấp chứng chỉ hành nghề và chứng chỉ năng lực hạng I; đồng thời, nhằm tạo quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng, cần sửa đổi, bổ sung để thống nhất đầu mối quản lý theo hướng giao cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng cũng thực hiện cấp chứng chỉ năng lực hạng I.

(9) Về quản lý năng lực hoạt động xây dựng (Điều 159)

Điều 159 Luật Xây dựng quy định tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng có trách nhiệm đăng ký thông tin về năng lực hoạt động xây dựng với Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng để đăng tải trên trang thông tin điện tử. Quy định này là phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết. Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng là cơ quan cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, chứng chỉ hành nghề phải có trách nhiệm đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử. Do vậy, cần sửa đổi Điều 159 theo hướng bãi bỏ thủ tục này.

(10) Về công bố các chỉ tiêu, hệ thống định mức xây dựng, chỉ số giá, giá

xây dựng (Điều 132, Điều 136)

Theo quy định hiện nay tại Luật Xây dựng, các chỉ tiêu, hệ thống định mức xây dựng, chỉ số giá, giá xây dựng do Nhà nước công bố để chủ đầu tư sử dụng, tham khảo, chủ đầu tư có quyền vận dụng hoặc sửa đổi, hoặc xây dựng định mức mới khi không phù hợp. Tuy nhiên trong thực tế đối với công trình sử dụng vốn ngân sách, nhiều chủ đầu tư, cơ quan tư vấn vẫn áp dụng cứng, hoặc sửa đổi, hoặc lập định mức mới để áp dụng theo hướng có lợi cho mình gây thất thoát, lãng phí ngân sách. Ngoài ra, trong quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, khi thanh tra, kiểm toán về cơ bản vẫn sử dụng hệ thống định mức công bố. Điều này dẫn đến những khó khăn bất cập trong quá trình quản lý chi phí đầu tư xây dựng của chủ đầu tư, tư vấn.

(11) Về quy định liên quan đến hình thức quản lý dự án (Điều 62, Điều 63)

Điều 62 Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP quy định về hình thức quản lý dự án có nhiều điểm mới so với Luật Xây dựng năm 2003. Tuy nhiên, một số Bộ, ngành và địa phương còn nhiều vướng mắc trong vấn đề chuyển đổi mô hình quản lý dự án theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 như: đối với các dự án đầu tư có quy mô lớn hơn 15 tỷ đồng (chủ yếu là phân thiết bị) sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách hoặc vốn khác, theo quy định của Luật Xây dựng thì hình thức quản lý dự án phải thuê tư vấn quản lý dự án. Việc tiến hành lựa chọn đơn vị tư vấn thích hợp mất rất nhiều thời gian và tăng chi phí, trong khi năng lực chuyên môn của các đơn vị chuyên môn của Chủ đầu tư có thể tự thực hiện... Việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực của các bộ, ngành khó thực hiện do cần phải bố trí cán bộ đủ năng lực theo quy định, trong khi biên chế của các Bộ, ngành không đáp ứng được; đặc biệt, đối với các Bộ, ngành có ít dự án đầu tư xây dựng được triển khai, nếu thành lập các Ban quản lý theo quy định của Luật Xây dựng sẽ không hiệu quả, làm tăng biên chế. Bên cạnh đó, việc vận hành hình thức Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành còn nhiều lúng túng, đặc biệt về phân định trách nhiệm quản lý dự án giữa Chủ đầu tư và Ban quản lý dự án còn nhiều khó khăn do chưa có mẫu hợp đồng quy định hình thức ủy thác giữa các bên. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung để đưa ra những quy định phù hợp hơn trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

(12) Về khái niệm cơ quan trung ương, chủ đầu tư (Điều 3, Điều 7)

Luật Xây dựng năm 2014 quy định người có thẩm quyền quyết định thành lập Ban Quản lý dự án, phê duyệt dự án (trường hợp miễn phép xây dựng) ở trung ương là Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ dẫn đến còn thiếu cũng như không áp dụng được trong quá trình thực hiện đối với trường hợp người quyết định đầu tư là: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Quốc hội,... Do vậy, cần bổ sung giải thích từ ngữ để tránh việc phải

liệt kê chi tiết nhưng không đầy đủ tại các điều, khoản cụ thể trong Luật; đồng thời bảo đảm thống nhất với khoản 4 Điều 4 của Luật Đầu tư công.

Tại điểm c khoản 2 Điều 7 Luật Xây dựng quy định: “*Đối với dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng dự án, hợp đồng đối tác công tư, chủ đầu tư là doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thỏa thuận thành lập theo quy định của pháp luật*”. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (khoản 2 Điều 38), đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT hoặc dự án PPP nhóm C, nhà đầu tư không bắt buộc phải thành lập doanh nghiệp dự án mà có thể trực tiếp thực hiện dự án. Do đó, trong trường hợp này, chủ đầu tư của dự án chính là nhà đầu tư.

(13) Về đánh giá an toàn công trình xây dựng (Điều 126)

Đánh giá định kỳ về an toàn của công trình xây dựng trong quá trình khai thác sử dụng nhằm đảm bảo an toàn cho công trình và đảm bảo sức khỏe, tính mạng con người, an toàn cộng đồng và môi trường, đặc biệt là các công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp. Do vậy, cần bổ sung quy định chi tiết về việc đánh giá định kỳ về an toàn của công trình xây dựng trong quá trình khai thác sử dụng và trách nhiệm công bố công trình xây dựng hết thời hạn sử dụng nhằm ngăn ngừa, hạn chế các rủi ro của công trình trong quá trình khai thác, sử dụng, cũng như có các cảnh báo tới cộng đồng được kịp thời.

(14) Về các loại hợp đồng xây dựng (Điều 140)

Quy định hiện hành tại điểm h khoản 3 Điều 140 Luật Xây dựng là cứng nhắc, giới hạn các hình thức Hợp đồng xây dựng sử dụng vốn nhà nước chỉ áp dụng các loại hợp đồng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này hoặc kết hợp các loại hợp đồng này. Tuy nhiên, trong thực tế có những dự án cần áp dụng hình thức hợp đồng khác thì lại không áp dụng được. Do vậy, bãi bỏ điểm h khoản 3 Điều 140 Luật Xây dựng nhằm không giới hạn hình thức hợp đồng xây dựng, đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Tháo gỡ các rào cản, khó khăn, giảm bớt các thủ tục hành chính trong hoạt động xây dựng để hạn chế vướng mắc, bất cập trong thực tế, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

1.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành

Nếu giữ nguyên như hiện nay thì các vấn đề tồn tại, hạn chế, khó khăn

như đã nêu tại điểm 1.1. mục 1 phần II.2 của Báo cáo này sẽ không được giải quyết, cụ thể là:

(1) Về thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công (Điều 57, Điều 58, Điều 82, Điều 84)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: gián tiếp gây thiệt hại về kinh tế cho chủ đầu tư xây dựng do mất thời gian đi lại, thời gian thực hiện thủ tục hành chính kéo dài, giảm hiệu quả đầu tư xây dựng.

- Về xã hội: Chưa tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư xây dựng.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: kéo dài thời gian thực hiện thủ tục hành chính do chưa thực hiện lồng ghép.

- Về hệ thống pháp luật: Không có tác động về hệ thống pháp luật.

(2) Quy định về đối tượng công trình được miễn giấy phép xây dựng, cấp giấy phép xây dựng (Điều 89)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: Đối với một số công trình thuộc dự án đã có quy hoạch chi tiết được duyệt và đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng, một số công trình có quy mô nhỏ nếu phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép xây dựng thì sẽ kéo dài thời gian thực hiện dự án, tăng chi phí đầu tư xây dựng không cần thiết.

- Về xã hội: Chưa tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư xây dựng.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: Gián tiếp làm phát sinh thủ tục cấp giấy phép xây dựng đối với một số công trình quy mô nhỏ, đơn giản hoặc đã được Nhà nước kiểm soát về quy hoạch, thiết kế xây dựng.

- Về hệ thống pháp luật: Không có tác động về hệ thống pháp luật.

(3) Quy định về cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn, các trường hợp phân kỳ đầu tư (Điều 89, Điều 50)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: việc giới hạn chỉ đối với công trình cấp đặc biệt và cấp I mới được cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn; dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A gồm nhiều dự án thành phần độc lập mới được phân chia dự án thành phần hoặc phân kỳ đầu tư làm tăng giá thành sản phẩm, kéo dài thời gian

đầu tư xây dựng, nhất là đối với công trình cấp II trở xuống hoặc dự án từ nhóm B trở xuống.

- Về xã hội: Chưa tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư xây dựng.
- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.
- Về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính.
- Về hệ thống pháp luật: Không có tác động về hệ thống pháp luật.

(4) Quy định về điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, cấp giấy phép xây dựng có thời hạn (Điều 91, Điều 94)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: quy định điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, công trình có thời hạn yêu cầu phải “*phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt*” và “*thuộc khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất*” là không khả thi; kéo dài thời gian, tăng chi phí đầu tư xây dựng.

- Về xã hội: Chưa tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư xây dựng.
- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.
- Về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính.
- Về hệ thống pháp luật: không bảo đảm tính khả thi của quy định pháp luật.

(5) Quy định về xây dựng công trình công trình theo lệnh khẩn cấp, cấp bách (Điều 130)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: gián tiếp gây thiệt hại về kinh tế khi không kịp xây dựng công trình ứng phó với sự cố.

- Về xã hội: chưa bảo đảm tính đặc thù, khẩn cấp của công trình; chưa bảo đảm tính kịp thời, ảnh hưởng đến an toàn xã hội, an toàn cộng đồng.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.
- Về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.
- Về hệ thống pháp luật: không có tác động về hệ thống pháp luật.

(6) Quy định về cung cấp bản sao quyết định đầu tư, bản sao chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng (Điều 95)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: mất nhiều thời gian, chi phí chuẩn bị hồ sơ.
- Về xã hội: Chưa tạo điều kiện thuận lợi cho người đề nghị cấp giấy phép xây dựng.
- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.
- Về thủ tục hành chính: phải chuẩn bị nhiều loại giấy tờ, hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trong khi đã có dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Về hệ thống pháp luật: không có tác động về hệ thống pháp luật.

(7) Quy định về thời gian cấp giấy phép xây dựng (Điều 102)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: thời gian cấp giấy phép xây dựng đối với công trình còn dài, mất thời gian cho doanh nghiệp, người dân.
- Về xã hội: Chưa tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân.
- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.
- Về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.
- Về hệ thống pháp luật: không có tác động về hệ thống pháp luật.

(8) Quy định về thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực hạng I (Điều 103, Điều 148)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: mất thời gian khi thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt nhất là các công trình ngoài Hà Nội phải chuyển hồ sơ, giấy tờ về Bộ Xây dựng để xin cấp giấy phép xây dựng.
- Về xã hội: Chưa tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân; chưa tạo sự chủ động cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.
- Về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.
- Về hệ thống pháp luật: chưa thống nhất về thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực và thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

(9) Quy định về quản lý năng lực hoạt động xây dựng (Điều 159)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: làm mất thời gian, chi phí cho cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động xây dựng.

- Về xã hội: Chưa tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động xây dựng.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: không có tác động về hệ thống pháp luật.

(10) Quy định về công bố các chỉ tiêu, hệ thống định mức xây dựng, chi số giá, giá xây dựng (Điều 132, Điều 136)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: gây thất thoát, lãng phí vốn ngân sách nhà nước.

- Về xã hội: gây khó khăn, bất cập trong quá trình quản lý chi phí đầu tư xây dựng của chủ đầu tư, tư vấn.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: không có tác động về hệ thống pháp luật.

(11) Quy định về hình thức tổ chức quản lý dự án (Điều 62, Điều 63)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: gây thất thoát, lãng phí vốn ngân sách nhà nước, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

- Về xã hội: quy định cứng nhắc, không phù hợp với những Bộ, cơ quan có ít dự án.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: không bảo đảm tính khả thi của quy định pháp luật.

(12) Quy định về khái niệm cơ quan trung ương, chủ đầu tư (Điều 3, Điều 7)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: không có tác động về kinh tế.

- Về xã hội: quy định không phù hợp với thực tiễn áp dụng.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.
- Về hệ thống pháp luật: chưa bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công.

(13) Về đánh giá an toàn công trình xây dựng (Điều 126)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: chưa có tác động về kinh tế.
- Về xã hội: chưa có quy định cụ thể về đánh giá định kỳ về an toàn công trình xây dựng trong quá trình khai thác sử dụng nhằm ngăn ngừa, hạn chế các rủi ro của công trình trong quá trình khai thác, sử dụng, cũng như có các cảnh báo tới cộng đồng được kịp thời.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới
- Về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.
- Về hệ thống pháp luật: Không có tác động về hệ thống pháp luật.

(14) Về các loại hợp đồng xây dựng (Điều 140)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: chưa có tác động về kinh tế.
- Về xã hội: chưa tạo tính linh hoạt, chưa bảo đảm phù hợp với thực tế triển khai hợp đồng xây dựng.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới
- Về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.
- Về hệ thống pháp luật: Không có tác động về hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung một hoặc một số nội dung tại mục 1.1

Sửa đổi, bổ sung một hoặc một số nội dung tại mục 1.1 thì chỉ khắc phục được một phần những tồn tại, hạn chế, khó khăn như đã nêu tại điểm 1.1. mục 1 phần II.2 của Báo cáo này, cụ thể là:

- Về kinh tế: không giải quyết được triệt để các vấn đề tồn tại, bất cập, tiếp tục gây lãng phí ngân sách nhà nước, chi phí, thời gian cho doanh nghiệp, người dân.

- Về xã hội: chủ đầu tư, doanh nghiệp, người dân chưa được tạo điều kiện thuận lợi, chưa có sự chủ động, linh hoạt.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới
- Về thủ tục hành chính: một số nội dung vẫn làm phát sinh thủ tục

hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: vẫn chưa bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật do chỉnh sửa không toàn diện.

c) Giải pháp 3: Sửa đổi, bổ sung đồng bộ các nội dung tại mục 1.1

Sửa đổi, bổ sung đồng bộ các quy định tại mục 1.1 thì tồn tại, hạn chế, khó khăn như đã nêu tại điểm 1.1. mục 1 phần II.2 của Báo cáo này sẽ được khắc phục, cụ thể là:

(1) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 50; Điều 57; Điều 58; Điều 82; Điều 84 theo hướng đơn giản hóa nội dung, trình tự đầu tư xây dựng, thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Theo đó, không yêu cầu thẩm định lại những nội dung đã được thẩm định/ thẩm tra trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư; bổ sung, làm rõ việc thực hiện lồng ghép, đồng thời, song song các thủ tục liên quan trong quá trình thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng; làm rõ cơ quan đầu mối tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án.

Tác động:

- Về kinh tế: giảm thời gian, chi phí, nội dung thực hiện thẩm định.
- Về xã hội: tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư xây dựng của chủ đầu tư.
- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.
- Về thủ tục hành chính: Thực hiện lồng ghép, đồng thời, song song các thủ tục liên quan trong quá trình thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng. Không phát sinh thủ tục hành chính mà giải pháp này nhằm đơn giản hóa, cải cách thủ tục hành chính.
- Về hệ thống pháp luật: tạo sự đồng bộ, thống nhất, minh bạch trong hệ thống pháp luật.

(2) Sửa đổi, bổ sung Điều 89 theo hướng: (1) bổ sung đối tượng được miễn giấy phép xây dựng, bao gồm: công trình xây dựng thuộc dự án đã có quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt và đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định đầu tư; một số công trình quảng cáo, công trình quy mô nhỏ khác; (2) thể hiện lại các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng để tránh trùng lặp; (3) bổ sung trường hợp cấp giấy phép xây dựng theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: Giảm thời gian thực hiện dự án, giảm lệ phí cấp giấy phép

xây dựng, giảm chi phí đầu tư xây dựng khi thực hiện đầu tư xây dựng đối với một số công trình.

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng thì để xin cấp phép xây dựng, người dân/doanh nghiệp phải chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng và phải nộp lệ phí cấp giấy phép theo quy định. Theo đó, tùy từng loại công trình, tính chất công trình mà hồ sơ xin cấp phép có khác nhau, nhưng về cơ bản những tài liệu cần có trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng gồm: Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng; Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng...

Theo quy định của Luật Xây dựng, quy trình cấp giấy phép xây dựng được quy định như sau:

- Chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, điều chỉnh giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng;

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa;

- Trong thời gian 12 ngày đối với công trình và nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng;

- Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải xem xét hồ sơ để cấp giấy phép trong thời gian 30 ngày đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng, bao gồm cả giấy phép xây dựng có thời hạn, giấy phép xây dựng điều chỉnh, giấy phép di dời và trong thời gian 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ. Trường hợp đến thời hạn cấp giấy phép nhưng cần phải xem xét thêm thì cơ quan cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý trực tiếp xem xét và chỉ đạo thực hiện, nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn theo quy định.

Theo Thông tư 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính thì mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Theo các quy định viện dẫn trên thì mỗi giấy phép xây dựng có mức chi rất khác nhau tùy theo loại công trình, tính chất công trình. Do đó, việc xác định cụ thể chi phí cấp giấy phép xây dựng để tính toán về lợi ích là rất khó và không khả thi trong giai đoạn đánh giá tác động chính sách. Bộ Xây dựng thấy rằng, để xác định được lợi ích kinh tế thì phải có những nội dung sửa đổi, bổ sung về giấy phép xây dựng cụ thể, đồng thời phải được nghiên cứu một cách khoa học với sự tham gia tích cực của các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương, đặc biệt là việc cung cấp thông tin từ người dân/doanh nghiệp, nên tại thời điểm hiện nay chưa có điều kiện tính toán chi phí cụ thể. Tuy nhiên, ước tính tác động tích cực đối với người dân/doanh nghiệp và nhà nước trong việc tiết kiệm, giảm bớt chi phí liên quan là rất rõ ràng.

- Về xã hội:

+ Tạo sự thống nhất, đồng bộ các quy định của pháp luật về cấp giấy phép xây dựng.

+ Tạo thuận lợi cho chủ đầu tư xây dựng; người dân, doanh nghiệp không phải tốn chi phí, thời gian đi lại, chuẩn bị hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng, không phải nộp lệ phí cấp giấy phép mà vẫn được xây dựng công trình; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người dân, doanh nghiệp trong xây dựng công trình;

+ Cơ quan nhà nước (Ủy ban nhân dân, cơ quan thuế) giảm bớt công việc nhưng vẫn bảo đảm quản lý đối với các công trình xây dựng này; việc thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng từ khâu tiếp nhận đến thực hiện cấp giấy phép xây dựng rất minh bạch, đầy đủ, đúng nội dung, đối tượng; khắc phục việc chậm trễ, nhũng nhiễu, tiêu cực trong quá trình cấp giấy phép xây dựng nhưng vẫn tạo điều kiện kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm về trật tự xây dựng.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính mà giảm thủ tục cấp giấy phép xây dựng đối với một số công trình quy mô nhỏ, đơn giản hoặc đã được Nhà nước kiểm soát về quy hoạch, thiết kế xây dựng.

- Về hệ thống pháp luật: bảo đảm các quy định về cấp giấy phép xây dựng được công khai, minh bạch hơn, giảm thủ tục hành chính.

(3) Không giới hạn cấp công trình được cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn khi đã có thiết kế xây dựng được thẩm định (Điều 89)

Tác động:

- Về kinh tế: Giảm giá thành sản phẩm công trình xây dựng, rút ngắn thời gian đầu tư xây dựng.

- Về xã hội: Sản phẩm công trình xây dựng đưa ra thị trường sớm làm tăng cơ hội kinh doanh của chủ đầu tư.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: Không có tác động về hệ thống pháp luật.

(4) Bãi bỏ yêu cầu phù hợp với mục đích sử dụng đất, sửa đổi yêu cầu thuộc khu vực quy hoạch phân khu xây dựng đã được phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (Điều 91, Điều 94).

Tác động:

- Về kinh tế: Giảm chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Về xã hội: Phù hợp với tình hình thực tế, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư trong việc thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: Đơn giản hóa điều kiện cấp giấy phép xây dựng.

- Về hệ thống pháp luật: phù hợp với các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng, đất đai.

(5) Sửa đổi, bổ sung Điều 130 theo hướng quy định cụ thể về việc giao thầu đối với công trình theo lệnh khẩn cấp, cấp bách, đồng thời, cần làm rõ trình tự đầu tư xây dựng đối với loại công trình này nhằm đạt được mục tiêu đề ra đối với loại công trình này.

Tác động:

- Về kinh tế: góp phần hạn chế thiệt hại về kinh tế khi kịp thời khắc phục được sự cố.

- Về xã hội: ngăn ngừa, hạn chế rủi ro đối với cộng đồng, xã hội; đáp ứng yêu cầu về tính đặc thù của việc xây dựng công trình theo lệnh khẩn cấp, cấp bách.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: mang tính đặc thù so với pháp luật về đấu thầu.

(6) Sửa đổi Điều 95 theo hướng bỏ yêu cầu cung cấp bản sao quyết định đầu tư, bản sao chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng và thay bằng việc cung cấp mã số doanh nghiệp và mã số chứng chỉ hành nghề trong đơn xin cấp giấy phép xây dựng.

Tác động :

- Về kinh tế: Giảm chi phí cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng.

- Về xã hội: Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: Đơn giản hồ sơ cấp giấy phép xây dựng.

- Về hệ thống pháp luật: Thực hiện yêu cầu tại Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

(7) Giảm thời gian cấp phép xây dựng đối với công trình từ 30 ngày xuống còn 20 ngày để rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng (Điều 102).

Tác động :

- Về kinh tế: giảm thời gian cấp giấy phép xây dựng đối với công trình từ đó góp phần giảm chi phí đầu tư xây dựng.

- Về xã hội: tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư xây dựng của chủ đầu tư.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính mà giải pháp này nhằm đơn giản hóa, cải cách thủ tục hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: Không có tác động về hệ thống pháp luật.

(8) Giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt (Điều 103).

Tác động :

- Về kinh tế: Góp phần giảm chi phí đi lại cho chủ đầu tư khi thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xây dựng đối với công trình đặc biệt là sẽ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp gắn với địa bàn đầu tư.

- Về xã hội: Phù hợp với chủ trương tăng cường phân cấp cho chính

quyền địa phương. Tạo quyền tự chủ, phát huy tính hiệu quả hoạt động và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc cấp Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt. Đồng thời, cũng góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư khi thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xây dựng đối với công trình đặc biệt là sẽ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp gắn với địa bàn đầu tư.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: Không có tác động về hệ thống pháp luật.

* Giao cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hạng I (Điều 148).

Tác động:

- Về kinh tế: Giải pháp không có tác động về kinh tế.

- Về xã hội: Tạo quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: Bảo đảm thống nhất với thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề tại Điều 149.

(9) Sửa đổi, bổ sung Điều 159 theo hướng bỏ thủ tục đăng tải thông tin về năng lực hoạt động xây dựng và thay bằng quy định cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ có trách nhiệm đăng tải thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân lên Trang thông tin điện tử do mình quản lý, đồng thời, gửi thông tin để tích hợp trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

Tác động:

- Về kinh tế: Giảm thời gian, chi phí để thực hiện đăng ký đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng.

- Về xã hội: tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: giảm thủ tục hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: Không có tác động về hệ thống pháp luật.

(10) Sửa đổi Điều 132, Điều 136 theo hướng các chỉ tiêu, hệ thống định mức xây dựng, chỉ số giá xây dựng, giá xây dựng do Nhà nước ban hành để áp dụng bắt buộc đối với công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước (nếu có điều chỉnh thì phải theo quy định về việc điều chỉnh); đối với các công trình sử dụng

nguồn vốn khác thì do Nhà nước công bố để tham khảo áp dụng.

Tác động:

- Về kinh tế: Góp phần làm giảm chi phí đầu tư xây dựng.
- Về xã hội: Nhà nước ban hành định mức xây dựng, chỉ số giá xây dựng, giá xây dựng để áp dụng thống nhất trên toàn quốc, phù hợp với cơ chế thị trường, hạn chế việc áp dụng tùy tiện định mức xây dựng dẫn đến tăng chi phí đầu tư xây dựng.
- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.
- Về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.
- Về hệ thống pháp luật: Không có tác động về hệ thống pháp luật.

(11) Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức tổ chức quản lý dự án tại Điều 62, Điều 63.

Tác động:

- Về kinh tế: Góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư.
- Về xã hội: Tháo gỡ các vướng mắc hiện nay về hình thức tổ chức quản lý dự án, bảo đảm phù hợp với thực tế triển khai thực hiện dự án hiện nay.
- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.
- Về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.
- Về hệ thống pháp luật: Không có tác động về hệ thống pháp luật.

(12 và 14) Sửa đổi, bổ sung một số khái niệm, thuật ngữ công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp, cấp bách, hợp đồng trong hoạt động xây dựng... nhằm thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Tác động:

- Về kinh tế: giảm thời gian, chi phí đối với các dự án đầu tư xây dựng trong trường hợp khẩn cấp, cấp bách.
- Về xã hội: tạo sự minh bạch, thuận lợi cho hoạt động đầu tư xây dựng của chủ đầu tư trong quá trình triển khai trên thực tế.
- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.
- Về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.
- Về hệ thống pháp luật: Thống nhất, đồng bộ, minh bạch, rõ ràng trong hệ thống pháp luật.

(13) Sửa đổi, bổ sung Điều 126 theo hướng quy định rõ đối tượng phải thực hiện đánh giá an toàn của công trình trong quá trình khai thác, sử dụng. Bổ sung giao trách nhiệm Chính phủ quy định chi tiết về đánh giá định kỳ về an

toàn của công trình xây dựng trong quá trình khai thác, sử dụng.

Tác động:

- Về kinh tế: Giải pháp không có tác động về kinh tế.
- Về xã hội: ngăn ngừa, hạn chế các rủi ro của công trình trong quá trình khai thác, sử dụng, cũng như có các cảnh báo tới cộng đồng được kịp thời.
- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.
- Về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.
- Về hệ thống pháp luật: Không có tác động về hệ thống pháp luật.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách này là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng. Theo đó, cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; tăng sự chủ động, linh hoạt cho chính quyền địa phương.

1.5. Kiến nghị: Lựa chọn giải pháp 3.

2. Chính sách 2: Bãi bỏ, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực xây dựng

2.1. Xác định vấn đề bất cập:

- Về quy định cá nhân tham gia quản lý, cá nhân hành nghề độc lập an toàn lao động, cá nhân tham gia quản lý dự án, kiểm định xây dựng, định giá xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề (Điều 148)

Khoản 3, khoản 5 Điều 148 Luật Xây dựng quy định đối với một số ngành nghề thì chỉ yêu cầu chủ nhiệm, chủ trì, giám đốc quản lý dự án phải có chứng chỉ hành nghề; tuy nhiên, đối với một số ngành nghề khác lại yêu cầu tất cả các cá nhân tham gia hoạt động xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề như quản lý dự án, kiểm định xây dựng, định giá xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về hoạt động xây dựng. Điều này dẫn đến sự thiếu thống nhất về điều kiện năng lực đối với các ngành nghề này và chưa thống nhất với Luật số 03/2016/QH14. Do vậy, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong quy định pháp luật và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoạt động xây dựng thì cần nghiên cứu bỏ yêu cầu cá nhân tham gia quản lý dự án, cá nhân hành nghề độc lập an toàn lao động, kiểm định xây dựng, định giá xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

2.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành

Nếu giữ nguyên như hiện nay thì các vấn đề tồn tại, hạn chế, khó khăn như đã nêu tại điểm 2.1. mục 2 phần II.2 của Báo cáo này sẽ không được giải quyết, cụ thể là:

- Về kinh tế:

Theo quy định tại Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thì để được cấp chứng chỉ hành nghề, cá nhân phải nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp, qua bưu điện hoặc qua mạng. Về cơ bản, hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề gồm có: đơn đề nghị cấp chứng chỉ; văn bản do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp; chứng chỉ hành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp đề nghị nâng hạng; các quyết định phân công công việc; kết quả sát hạch trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề... Thời gian cấp chứng chỉ hành nghề: trong thời hạn 20 ngày đối với trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề lần đầu, xét nâng hạng, điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề; 10 ngày đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ hành nghề; 25 ngày đối với trường hợp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề.

Để được nhận chứng chỉ, cá nhân phải trả lệ phí là 300.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp chứng chỉ giấy phép hoạt động xây dựng.

Như vậy, nếu giữ quy định cá nhân tham gia quản lý, cá nhân hành nghề độc lập an toàn lao động, cá nhân tham gia quản lý dự án, kiểm định xây dựng, định giá xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề thì mỗi cá nhân đó sẽ phải tốn chi phí và thời gian để thực hiện các thủ tục hành chính nêu trên.

- Về xã hội: chưa tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp.
- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.
- Về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.
- Về hệ thống pháp luật: chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và Luật Xây dựng.

b) Giải pháp 2: Sửa đổi khoản 3 Điều 148

Sửa khoản 3, khoản 5 Điều 148 theo hướng bỏ quy định cá nhân tham gia

quản lý, cá nhân hành nghề độc lập an toàn lao động, cá nhân tham gia quản lý dự án, kiểm định xây dựng, định giá xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề; bỏ nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về hoạt động xây dựng thì tồn tại, hạn chế, khó khăn như đã nêu tại điểm 2.1. mục 2 phần II.2 của Báo cáo này sẽ được khắc phục, cụ thể là:

- Về kinh tế: giảm chi phí cho cá nhân, doanh nghiệp, nếu không phải thực hiện cấp chứng chỉ hành nghề thì mỗi cá nhân sẽ không tốn thời gian và chi phí để thực hiện cấp chứng chỉ hành nghề và do đó xã hội cũng không tốn một khoản tiền rất lớn.

- Về xã hội: đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoạt động xây dựng.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: Giảm bớt thủ tục hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, thống nhất với Luật số 03/2016/QH14, thống nhất trong chính Luật Xây dựng vì Luật đã quy định chứng chỉ năng lực của tổ chức quản lý dự án được xác định trên cơ sở năng lực của các cá nhân thuộc tổ chức.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách này là cá nhân, doanh nghiệp hoạt động xây dựng. Theo đó, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

2.5. Kiến nghị: Lựa chọn giải pháp 2.

3. Chính sách 3: Hoàn thiện chính sách, pháp luật về xây dựng bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật có liên quan

3.1. Xác định vấn đề bất cập:

- Về cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo (Điều 95, Điều 96)

Điều 31 của Luật Quảng cáo năm 2012 quy định về cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo, bao gồm: đối tượng công trình quảng cáo phải xin giấy phép xây dựng, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, trình tự, thủ tục cấp giấy phép xây dựng. Tuy nhiên, Luật Xây dựng năm 2014 đã quy định cụ thể về cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo theo các nội dung nêu trên (bao gồm các điều quy định chung về cấp giấy phép xây dựng như từ Điều 89 đến Điều 106 và điều quy định riêng về cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo như khoản 6 Điều 95 của Luật Xây dựng). Do vậy, quy định về cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo cần thống nhất trong một văn bản để tránh mâu thuẫn, chồng chéo và bảo đảm thuận tiện trong việc áp dụng trên thực tế.

- Về các quy định liên quan đến quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình (Điều 115, Điều 162, Điều 163)

Theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động thì việc quản lý an toàn, vệ sinh lao động chuyên ngành do các Bộ quản lý chuyên ngành thực hiện. Tuy nhiên, Luật Xây dựng chưa có quy định cụ thể trách nhiệm quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình đối với Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

Vì vậy, cần phải bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các cấp về quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình theo hướng làm rõ trách nhiệm của Bộ Xây dựng là cơ quan thống nhất quản lý nhà nước về an toàn an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình, các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình chuyên ngành. Các nội dung về an toàn trong thi công xây dựng công trình sẽ được Chính phủ quy định chi tiết.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

3.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành

Nếu giữ nguyên như hiện nay thì các vấn đề tồn tại, hạn chế, khó khăn như đã nêu tại điểm 3.1. mục 3 phần II.2 của Báo cáo này sẽ không được giải quyết, cụ thể là:

(1) Quy định về cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo (Điều 95, Điều 96)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo phải thực hiện theo quy định của Luật Quảng cáo và Luật Xây dựng, gây lãng phí, tốn kém chi phí của doanh nghiệp.

- Về xã hội: Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quảng cáo khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo do không biết nên thực hiện theo Luật nào.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: vẫn tồn tại hai thủ tục hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của pháp luật về quảng cáo, xây dựng.

(2) Quy định về an toàn thi công xây dựng (Điều 115, 126, 162, 163)

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: không có tác động về kinh tế.

- Về xã hội: quy định chưa làm rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn trong thi công xây dựng; chưa làm rõ đối tượng phải tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn của công trình trong quá trình khai thác sử dụng, ảnh hưởng đến chất lượng an toàn công trình xây dựng.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới

- Về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: chưa bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

b) Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung một hoặc một số nội dung tại mục 3.1

Sửa đổi, bổ sung một hoặc một số nội dung tại mục 3.1 thì chỉ khắc phục được một phần những tồn tại, hạn chế, khó khăn như đã nêu tại điểm 3.1. mục 3 phần II.2 của Báo cáo này, cụ thể là:

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: không giải quyết được triệt để các vấn đề tồn tại, bất cập.

- Về xã hội: chưa tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân, không bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: chưa minh bạch về thủ tục hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: chưa bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật do chỉnh sửa không toàn diện.

c) Giải pháp 3: Sửa đổi, bổ sung đồng bộ các nội dung tại mục 3.1

Sửa đổi, bổ sung đồng bộ các quy định tại mục 3.1 thì tồn tại, hạn chế, khó khăn như đã nêu tại điểm 3.1. mục 3 phần II.2 của Báo cáo này sẽ được khắc phục, cụ thể là:

* Bãi bỏ yêu cầu nộp “Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về quảng cáo” khi cấp Giấy phép xây dựng công trình quảng cáo để thống nhất với quy định của Luật Quảng cáo (điểm b khoản 6 Điều 95, khoản 4 Điều 96) và kế thừa những nội dung đã được quy định tại Điều 31 của Luật Quảng cáo. Đồng thời, bãi bỏ Điều 31 của Luật Quảng cáo năm 2012, việc cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Tác động:

- Về kinh tế: người dân, doanh nghiệp không phải tốn kém chi phí sao chụp tài liệu và đi lại trong quá trình nộp hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo; nhanh chóng xác định thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo theo quy định của Luật Xây dựng.

- Về xã hội: tạo thuận lợi và nhận thức thống nhất cho người dân/doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: minh bạch thủ tục hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: Thống nhất quy định về hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo trong pháp luật về xây dựng và pháp luật về quảng cáo.

* Bổ sung vào các Điều 115, Điều 162, Điều 163 nội dung giao Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về quản lý an toàn thi công xây dựng; làm rõ trách nhiệm của Bộ Xây dựng là cơ quan thống nhất quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình, các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình chuyên ngành.

Tác động:

- Về kinh tế: Không có tác động về kinh tế.

- Về xã hội: vấn đề an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình được quan tâm hơn; trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước đối với an toàn, vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình được nâng lên; tạo cơ sở để xã hội giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Về giới: Giải pháp không phân biệt về giới.

- Về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Về hệ thống pháp luật: Bảo đảm phù hợp, đồng bộ với pháp luật về vệ sinh, an toàn lao động.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách này là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng. Theo đó, tạo điều kiện thuận lợi và giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp, bảo đảm an toàn công trình xây dựng.

3.5. Kiến nghị: Lựa chọn giải pháp 3.

III. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

- Cơ quan giám sát thực hiện chính sách: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội... ĐK

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các thành viên Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội: Pháp luật, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, HĐXD, PC.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Hồng Hà